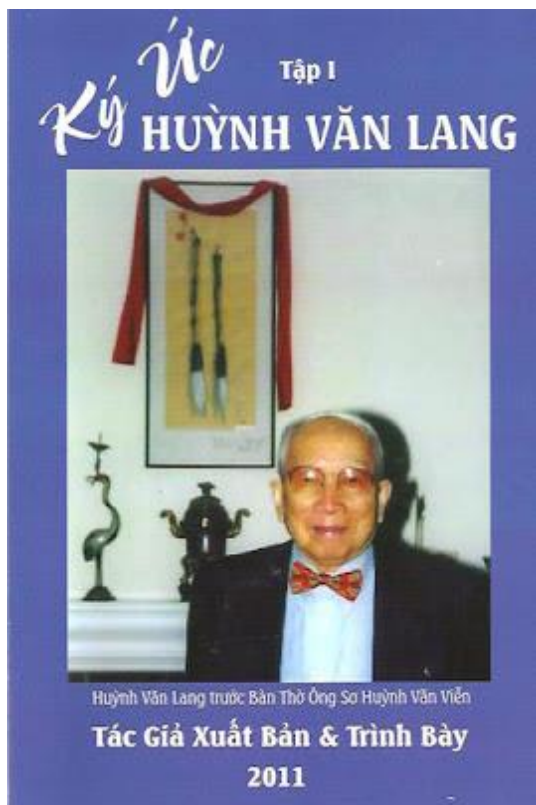


ĐỌC KÝ ỨC HUỲNH VĂN LANG

Để Hiểu Rõ Thảm Họa Của Dân Tộc Xuất Phát Từ Đâu? (Phần I)

Lê Quế Lâm



Ông Huỳnh Văn Lang là một nhà văn, nhà báo và cũng là nhà nghiên cứu sử học lão thành. Năm 2000 ông đã xuất bản bộ “Nhân chứng một chế độ” gồm ba tập gần 1500 trang. Và mới đây, ông cho xuất bản “Ký ỨC Huỳnh Văn Lang” cũng ba tập gần 2000 trang. Tập 1 Thời kỳ Pháp thuộc, viết từ khi tác giả bắt đầu đi học năm 1928 đến năm 1955, đã được phát hành năm 2011. Tập 2 Thời kỳ Việt Nam độc lập từ 1955 đến 30/4/1975, gồm Đệ nhứt và Đệ nhị Cộng hòa, đã ra mắt độc giả hồi đầu tháng Bảy vừa qua. Tập 3 Thời kỳ lưu vong, chạy giặc cộng sản từ 27/4/1975 đến năm 2010, chưa xuất bản. Nhưng qua nội dung cuốn “Đã hơn 30 năm rồi” (Việt Nam Du Ký 2006) ghi lại những quan sát và nhận định của tác giả các chặng đường của đất nước dưới chế độ cộng sản, cho thấy Ký ỨC Huỳnh Văn Lang Tập 3 có lẽ sẽ trình bày những nỗi đau thương của dân tộc trong hơn 30 năm qua, cũng như nỗi xót xa của những người ly hương, chạy giặc cộng sản.

Trong Việt Nam Du ký năm 2006, ông HVL diễn tả hoàn cảnh thực sự đã và đang xảy ra ở VN từ 1975 đến giờ: **Miền Bắc cai trị, đô hộ Miền Nam**. Hai tiếng Miền Bắc và Miền Nam ở đây, theo tác giả không mang ý nghĩa miền địa lý mà mang ý nghĩa ý thức hệ, một bên là chủ nghĩa Mác-Lê và một bên là chủ nghĩa tự do, dân chủ. Miền Bắc chỉ CS Bắc Việt theo chủ nghĩa Mác Lê. Miền Nam là MN tự do

trong tinh thần nhân bản, dân chủ. Theo ý nghĩa này, một người sinh trưởng ở MN như Võ Văn Kiệt, Phan Văn Khải v.v...Nhưng nếu đã theo CS Bắc Việt thì phải được kể như người MB, thấm nhuần văn hóa cộng sản. Ngược lại, những người tuy sinh trưởng ở MB, nhưng theo chủ nghĩa tự do, chống chủ nghĩa cộng sản, thì phải được xem như người MN, theo văn hóa tự do, đa văn hóa của MN.

Miền Bắc cai trị-đô hộ Miền Nam, có nghĩa là Bắc Việt đang đô hộ MN bằng ý thức hệ cộng sản. Hậu quả tạo ra: -Một xã hội bất công -kẻ giàu quá sức, người nghèo khổ vô cùng, phân chia giai cấp rõ rệt, MB cai trị/đô hộ, MN bị trị bị đô hộ, bị triệt để khai thác...-Một nền văn hóa đòi trụ không còn tinh thần dân tộc. -Một nền giáo dục giảm sút thâm trầm với cảnh ‘tiên học phí hậu học thêm’ với những môn thầy không muốn dạy, học trò không muốn học. Một cô sinh viên vừa tốt nghiệp đại học Tổng hợp sắp sửa nhận việc dạy học ở Trung học Cầu Ngang được ông HVL hỏi về chuyện Hai Bà Trưng, Bà Triệu, đã trả lời ông như sau: “*Ông hỏi con về Hồ Chí Minh thì con nói cho ông nghe. Còn về Hai Bà Trưng, Bà Triệu con có học đâu mà nói*”. Một tệ nạn khác là nghề làm điếm của nhiều cô gái Miền Nam. Vì thiếu “quan hệ” nên không cách gì tìm được việc làm. “Quan hệ” tức là quyền lực đỡ đầu. Theo tác giả thì quyền lực đã ở trong tay người MB từ 1975. Ngay trong nghề buôn son bán phấn này cũng cho thấy rõ sự khác biệt giữa cai trị-đô hộ và bị trị. Bán tròn nuôi miệng là con gái Miền Nam, đứng ra tổ chức thị trường thịt người là người Miền Bắc, tức nhiên cũng theo ý thức hệ.

Về tác phẩm “Ký ức Huỳnh Văn Lang”, nhà văn Nguyễn Mạnh Trinh đã nhận xét: “*Có thể với ông, viết là để giải tỏa ẩn ức, những chèn ép đã từ lâu nhiều năm nhiều tháng chất chứa trong tâm tư. Tác giả cũng không muốn mình là người chép sử dù với vai trò của một nhân chứng. Từ cuộc đời ông, đã trải qua nhiều biến cố lịch sử và nhiều khi là một diễn viên trong những vai trò khởi động. Ông kể lại, chủ quan với sự hiểu biết của người trong cuộc... Nếu quan niệm rằng lịch sử không phải chỉ ghi chép lại bởi những sử gia mà còn ghi dấu lại từ những chứng nhân và từ đó có những tư liệu xác thực. “Ký Ức Huỳnh Văn Lang” là một trong những tư liệu hiếm quý ấy*”. Ông Giao Chi (Vũ Văn Lộc) cũng đề nghị nên tìm đọc tác phẩm của tác giả Huỳnh Văn Lang. Giá trị của tác phẩm là hết sức chân thật, thẳng thắn, hết sức chủ quan, không vòng vo khách sáo.

Đối với người viết bài này, những nhận định của tác giả HVL dù chủ quan, cũng không quan trọng bằng những sự việc ông kể là **sự thực lịch sử**. Vì lẽ ông là người Miền Nam, vốn thực thà, nghĩ sao nói vậy, ăn ngay nói thẳng. Nay tuổi đã cao, là bậc trưởng thượng, ông càng bất chấp mọi thị phi, miễn là trút được nỗi lòng để tâm hồn thanh thản. Vì thế, tôi tìm đọc tác phẩm của ông để chia sẻ tâm lòng của ông đối với cố TT Ngô Đình Diệm. Có lẽ không riêng gì ông, mà những người quốc gia, kể cả một cán bộ cộng sản cao cấp là Trần Bạch Đằng cũng đã nhận xét người sáng lập nên Đệ nhất Việt Nam Cộng Hòa “*thuộc một gia đình tiếng tăm -cha là Phụ chính đại thần Ngô Đình Khả đã không chịu ký tên vào văn bản đòi truất phế vua Thành Thái do Pháp chủ trương. Trong hơn chục năm, Diệm như ẩn dật, được giới thượng lưu cả nước tôn là “chí sĩ”. Về cá nhân, Diệm không vợ con, rượu chè, sống khắc khổ, có trình độ vừa Tây học vừa Nho học*”.

Tháng 6/1954, Quốc trưởng Bảo Đại mời ông Diệm “*đứng ra thành lập nội các để cứu vãn tình thế, vì tình hình đất nước hiện nay vô cùng đen tối, tổ quốc có thể bị chia cắt*”. Ông đã thối thác lời triệu thỉnh với lý do “*sau nhiều năm suy nghĩ, tôi đã*

quyết định đi tu”. Nhưng ông không thể từ chối sứ mạng khi Bảo Đại đề cập đến sự tồn vong của đất nước: *“Tôi rất trọng quyết định của ông, nhưng ngày hôm nay tôi kêu gọi lòng yêu nước của ông. Ông không có quyền trốn tránh trách nhiệm. Sự sống còn của đất nước đòi hỏi ông phải đứng ra gánh vác việc nước*”. Trước bàn thờ Chúa và thánh giá, Bảo Đại long trọng bảo Diệm: *“Ông hãy thề trước thánh giá là ông sẽ giữ toàn vẹn lãnh thổ mà tôi trao cho ông. Ông sẽ bảo vệ lãnh thổ đó chống lại bọn cộng sản vô thần và nếu cần chống lại cả người Pháp nữa*”.

Tôi còn tìm đọc Ký ức HVL để chia sẻ với ông về nỗi cay đắng *“Cám ơn đời dài ngộ tôi quá nhiều. Nhưng bây giờ tôi lại thiếu quá lớn, thiếu cả vòm trời của quê hương*”. Cá nhân tôi cũng như nhiều người khác, không được đời dài ngộ nhiều như ông, bây giờ cũng cảm thấy mất mát quá lớn y như ông. Mất cả một quê hương được thiên nhiên ưu đãi, đất đai phì nhiêu, tài nguyên phong phú về lúa gạo, cây trái, cá tôm. Từ một thế kỷ trước -Sài Gòn, thủ đô Miền Nam đã được thế giới gán cho mỹ danh *“Hòn ngọc Viễn Đông*”. Quê hương xinh đẹp, con người Miền Nam cũng dễ dãi, thực thà, hào phóng...

Năm 1954, để chấm dứt chiến tranh Đông Dương, các cường quốc đã gặp nhau tại Hội nghị Genève 1954 để phân chia ảnh hưởng ở đây. Miền Nam VN chịu ảnh hưởng của Mỹ. Trong bức thư gửi Thủ tướng Ngô Đình Diệm, đề ngày 23/10/1954, Tổng thống Eisenhower xác định mục tiêu của HK là *“giúp miền Nam Việt Nam bằng viện trợ để duy trì và phát triển một nhà nước tự do có sức sống mạnh, có khả năng chống trả lại những mưu toan khởi loạn hoặc xâm lược bằng vũ lực. HK mong muốn chính phủ Nam VN đáp ứng lại bằng cách thực hiện những cải cách cần thiết, mở rộng chính phủ có sự tham gia của các đảng phái chính trị và thiết lập các cơ cấu dân chủ hơn*”. Khi CS Miền Bắc phát động chiến tranh giải phóng MN, HK đã gửi trên 3 triệu quân đến giúp VNCH chiến đấu bảo vệ tự do, gần 60 vạn binh sĩ tử trận với chiến phí trên 200 tỷ đôla. Nhưng kết cuộc MN sụp đổ tan hoang. Lý do tại sao? Tôi kỳ vọng tác phẩm của ông HVL cung cấp những sự thật lịch sử mà ông là chứng nhân, để giúp tôi tái thẩm định lại cuộc chiến VN.

Lên mạng Google, bấm ba chữ Huỳnh Văn Lang, tôi tìm thấy khá nhiều thông tin. Các bài điểm sách của Gs Nguyễn Thanh Liêm, Nhà văn Nguyễn Mạnh Trinh, các ông Giao Chỉ, Phạm Hồng Diễm... Bài của cô Gs Hứa Hoàn viết năm 2001: Ông Huỳnh Văn Lang tiết lộ nhiều bí mật lịch sử thời Đệ nhất Cộng hoà qua 3 tập hồi ký *“Nhân chứng một chế độ*”. Bài nói chuyện của ông Huỳnh Văn Lang ở Hội Tác giả Việt Nam hải ngoại Westminster ngày 08-11-2009, tựa đề *Sự Thật Lịch sử: Đệ nhất Cộng Hoà của Miền Nam (1955-1963)* -ông Ngô Đình Diệm có *“soán ngôi”* vua Bảo Đại? Thư của ông HVL viết ngày Memorial Day, 05-30-2011 gửi Gs Vũ Quốc Thúc v.v...

Trước hết, tôi xin đề cập đến thư gửi Gs Thúc. Cuối tháng Tư năm 2011, ông Lang xuất bản **Ký ức Huỳnh Văn Lang Tập 1**, Gs Thúc xuất bản hồi ký **Thời Đại Của Tôi Cuốn II**. Nhiều năm trước, ông Nguyễn Hữu Hanh xuất bản quyển **Làm Việc Với Các Nhân Vật Danh Tiếng Thế Giới**. Cả ba ông đều giữ những chức vụ cao cấp về Tài chính, Ngân hàng trong buổi giao thời khi Pháp bàn giao cho VN hồi đầu năm 1955. Gs VQT, sinh năm 1920, quê quán Nam Định, Thạc sĩ kinh tế Paris giữ chức vụ Phó Thống đốc Ngân hàng Quốc gia kiêm Giám đốc Viện Hối Đoái, sau đó

là Thống đốc NHQG. Ông NHH, sinh năm 1923, quê quán Quảng Trị, tốt nghiệp H.E.C (Hautes Etudes Commerciales) là trường Thương mại Ngân hàng danh tiếng của Pháp, giữ chức vụ Tổng Giám đốc NHQG kiêm TGD Việt Nam Thương tín. Ông HVL, sinh năm 1922, quê quán Trà Vinh, tốt nghiệp Cao học kinh tế (HK) giữ chức vụ Phó Giám đốc, rồi Giám đốc Viện Hối Đoái. Cơ quan này về quyền hành trực thuộc thủ tướng sau là tổng thống, về hành chánh trực thuộc NHQG.

Cả ba ông đều viết hồi ký và có những nhận định khác nhau, nên ông HVL viết thư gởi Gs Thúc “*để đính chánh những sai lầm vô tình cũng như những xuyên tạc hữu ý rất tai hại cho những thế hệ mai sau. Người viết như anh em và tôi đều có trách nhiệm phải để lại cho hậu duệ của mình một di sản (legacy) mà không có di sản nào hơn sự thật lịch sử, thuộc văn hóa tinh thần. Vấn chúng ta sanh ra có tên có tuổi (ID) có ngày tháng (thời gian), có nơi có chỗ (không gian), tự nhiên (per se) là con người lịch sử. Cho nên nói đến con người là nói đến lịch sử, nhất là khi họ đã đóng một vai trò lớn nhỏ nào đó trong lịch sử dân tộc của mình*”.

Ông HVL trách Gs VQT “trong hồi ký, không rõ vô tình hay hữu ý đã bỏ qua vụ chuyển ngân bất hợp pháp qua Pháp cho trên dưới 10,000 sinh viên ma và ma cà bong (vaguabond), thất thoát trên 1,5 tỷ quan Pháp”. Vụ chuyển ngân bất hợp pháp này đã xảy ra trước ngày ông VQT và HVL nhận bàn giao chức vụ Giám đốc và Phó Giám đốc Viện Hối đoái từ Pháp (02-01-1955). Ông Lang tự nhận đã khám phá sự việc này hồi tháng 7/1955 và đích thân giải quyết. Ông còn đề cập đến việc Gs Thúc từ chức Thống đốc NHQG hồi tháng 10/1956, vì dù ông không trực tiếp lỗi lầm, nhưng cấp dưới đã lỗi lầm quá nặng (giấy bạc phải đốt bỏ đi, lại đem ra lưu hành). Theo ông “*đây là tội đại hình như tội làm giấy bạc giả, nhưng tại sao Gs lại coi nhẹ, để rồi lại qui tội cho âm mưu chánh trị muốn loại Gs ra, để đưa người đảng phái (đảng phái nào, Gs ám chỉ đảng nào?) lên thay để kinh tài. Nếu Gs có biết đảng nào đã dùng NHQG hay Việt Nam Thương Tín, một sản phẩm của Gs, để kinh tài hay làm tiền, xin Gs trưng ra để làm bằng chứng? Bằng chẳng thì chỉ là những hoài nghi vô lý của một lý thuyết gia*”.

Sau đó, ông HVL đề cao Gs VQT để bêu xấu ông Nguyễn Hữu Hanh (NHH): “*Tôi không bao giờ quên Gs, vẫn tôn trọng Gs như là một nhân vật tài ba lỗi lạc, khi tranh thủ giành lại chủ quyền tài chánh tiền tệ cho VN, cũng như có công xây dựng từ những ngày đầu, một nền tài chánh tiền tệ quốc gia cho lớn mạnh mà tác giả NHH, chẳng những là phủ nhận mà lại cho là của mỗi một mình mình, không phải của Gs và ông Dương Tấn Tài, vì cho Gs và ông DTT không biết chút gì về ngân hàng tài chánh cả*”. Ông HVL kết luận...”*trong cái rừng già (rain forest) văn học hải ngoại này lại lắm trộm đạo, cái may là trong đó không có tên VQT và HVL*”. Đề cập đến đảng Cần lao, ông HVL chê trách Gs Thúc và ông NHH đều có “**thành kiến đến sai lầm ngu ngơ về đảng Cần lao, nếu không nói là hoàn toàn vu không! Là bí thư Liên kỳ bộ Nam Bắc Việt Cần lao Nhân vị Cách mạng đảng, tôi phải phản đối và lên án tội vu không này! Cần lao của tôi có tiền, mà không bao giờ nhờ NHQG của Gs hay VNTT của Gs thành lập và bổ nhiệm anh NHH làm TGD. Vốn lương bổng của tôi đã khá cao (35,000 mỗi tháng) mà Hội đồng Tôi cao Tiền tệ và Tín dụng còn cho tôi, trước khi nộp cho ngân khố quốc gia, lấy ra hay đúng hơn là giữ lại 20% trên tổng số tiền phạt vạ, mà có vụ VHD phạt lên đến 100 triệu bạc. Số tiền này mỗi 3 tháng được lấy ra chia cho nhân viên trong đó có tôi, số tiền tôi nhận được nhiều lần trên 300 ngàn đồng, nghĩa là gần bằng 10 lần tiền lương.**

Tôi đã trích ra một phần 3 để tổ chức Liên kỳ bộ của tôi và thành lập những cơ sở kinh tài rất nhỏ ở các địa phương. Tuy nhỏ nhưng mỗi cơ sở đủ sức nuôi dưỡng một tiểu tổ 5,7 đảng viên và tài trợ những hoạt động chánh trị của họ ở địa phương”.

“Tuy nhiên, **tôi cũng phải nhìn nhận là có một vụ kinh tài đảng phái do bộ kinh tế của Phó Tổng thống Nguyễn Ngọc Thơ cho phép và VHD chấp thuận, khi tôi vắng mặt từ tháng 11/1958 đến tháng 6/1959. Đó là vụ khai thác Guano (phân chim) ở quần đảo Tây sa, do Luật sư Trần Văn Trai, bí thư Đô thành bộ Cần lao trách nhiệm.** Cơ quan VHD của tôi trực thuộc tổng thống, tức nhiên **gần như hoàn toàn biệt lập** và Giám đốc VHD thành ra có người đề cao ‘**dưới một người trên muôn người**’, chỉ trong mỗi một lãnh vực hối đoái mà thôi, **không phải như là một tể tướng**”.

Qua sự tiết lộ của ông HVL, đảng Cần lao được VHD tài trợ một cách gián tiếp để làm kinh tài và hoạt động chính trị. Về ngân quỹ, chỉ tính một vụ mà VHD phạt lên đến 100 triệu đồng, ông HVL được lấy ra 20% tức 20 triệu đồng để chia cho nhân viên, phần ông HVL được hưởng có thể lên đến cả triệu đồng. Lúc bấy giờ 1 lượng vàng giá 4000 đồng, lương một người lính Quốc gia là 1200, lương một đốc sự hành chánh mới ra trường là 6000 đồng.

Trong ngày ra mắt sách, ông HVL tâm sự: *“Tôi không phụ anh em tổng thống. Người anh phụ tôi, cất chức viện Hối đoái mà không cho tôi biết. Người em giải tán kỳ bộ Cần lao của tôi mà không có lý do chính đáng. Người ta phụ tôi nhưng tôi không phụ người. Tôi thương cho người anh mà tiếc cho người em”*. Theo tôi, tổng thống và ông Ngô Đình Nhu đã hành xử đúng. Chẳng lẽ nói thẳng với người đệ tử thân tín: anh đã lợi dụng đặc quyền đặc lợi mà chính phủ dành để nuôi đảng, anh lại trục lợi riêng. Chỉ dành cho đảng một phần, còn anh hưởng hai phần, có khi lên đến 200,000 đồng một tháng chưa kể tiền lương 35,000 đồng. Nếu phục vụ đất nước, với công lớn như vậy, đáng lẽ ông HVL phải được tưởng thưởng, nhưng tại sao lại bị cách chức? Có lẽ chỉ vì tội lạm dụng quyền hành và làm bậy mà thôi. Không bị trừng phạt, không nói lời biết ơn thì thôi, trái lại ông còn hãnh diện “người phụ mình, chớ mình không phụ người”, ông muốn chứng tỏ mình xử sự “quân tử” hơn vị lãnh đạo quốc gia hay sao? Ông không phụ người ban phát bổng lộc cho mình, nhưng ông quên rằng bổng lộc đó là tài sản của đất nước, ông đã lấy cắp của nhân dân (1955-1962), vô tình ông đã phụ đồng bào, phụ đất nước, hậu quả là ngày nay ông “thiếu cả vòm trời của quê hương”.

Cá nhân tôi cũng thương và tiếc anh em TT Ngô Đình Diệm, phải chi hai ông cách chức thêm một số “nịnh thần”, thì có lẽ thảm họa không đến với gia đình ông và dân tộc cũng tránh được thảm họa lớn. Nhìn lại chuyện cũ, nghĩ đến việc hôm nay cũng tương tự như vậy, cán bộ cộng sản cũng được ban phát đặc quyền đặc lợi, làm kinh tài, vừa làm giàu cho đảng, vừa để trục lợi cho cá nhân và gia đình.

Xin trở lại lá thư của ông HVL gửi Gs VQT, trong đoạn chót ông viết: *“**dù sao Gs cũng được ông Diệm trọng dụng ít nhiều trong 1 thời gian nào đó và xưng hô với Gs là Ngài. Chỉ có Gs và Thạc sĩ Vũ Văn Mẫu là 2 người được ông Diệm xưng hô một Ngài hai Ngài trong khi đối thoại. Thế mà trong sách khi viết về Tổng thống NĐD, Gs lại gọi một Ông ta, hai Ông ta. Gs có thấy cái chỗ khác biệt đó không? Tôi nghĩ Gs là con nhà nho, như Gs kể một cách hãnh diện (đúng) phải biết thế nào là chữ lễ, nhứt là đối với người quá cố, khi sinh tiền Gs gọi là bằng Cụ! Thiết nghĩ hai giáo sư thạc sĩ VN có cái gì giống giống nhau, Gs có nhắc đến Thạc sĩ Vũ***

Văn Mẫu cạo trọc đầu để ủng hộ ông thầy đầu trọc Thích Trí Quang. Sau khi đọc hồi ký của Gs VQT, sự tôn trọng của tôi từ trước có phần sút mẽ đi! Đáng tiếc thay”. Sẵn có quyển Thời Đại Của Tôi Cuốn II, tôi đọc lại xem Gs Thúc đã viết những gì về ông HVL khiến ông ta có vẻ bức tức, nên nặng lời với người đồng liêu cũ, nay đều ở tuổi thượng thọ. Tôi xin ghi lại nguyên văn để độc giả nhận xét.

Gs VQT đã viết ở trang 344 “*những chuyên gia đã được Thủ Tướng Ngô Đình Diệm bổ nhiệm để cùng đi với tôi đến nhận lãnh Viện Hối Đoái. Tôi thừa hiểu họ là “tai mắt” của anh em Ông Diệm. Những chuyên gia này còn trẻ, đã học ở HK. Đứng đầu là một chuyên viên trẻ tuổi, trước kia học ở chủng viện nhưng không tiếp tục sống đạo nữa mà đã hoàn tục, đó là ông Huỳnh Văn Lang. Ông Huỳnh Văn Lang được sự tin nhiệm của Anh em Ông Diệm và chắc đã đóng một vai tuồng rất quan trọng trong chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa. Tại sao tôi có quyền nghĩ như vậy? Tại vì ông ta đã trở nên một lãnh đạo cao cấp trong Đảng Cần Lao. Lúc đó tôi chỉ biết ông ta là một người trẻ tuổi đối với tôi cũng có nhiều thiện cảm vì ông là con rể của một nhân sĩ danh tiếng đất Bắc: cụ Trương Đức Âm. Hơn thế nữa người ông của bà Huỳnh Văn Lang là cụ Trương Hoàng Đình cũng từng quen thân phụ tôi. Vì thế ngay từ đầu, sự cộng tác giữa ông Huỳnh Văn Lang với tôi đã rất thân hữu”.*

Về việc từ chức Thống đốc Ngân hàng QGVN, Gs Thúc đã viết chi tiết trong hồi ký, trang 359-367, “*...Vũ Đình Đa là một nhân viên cũ của Viện Phát Hành Đông Dương, được lưu dụng vì có kinh nghiệm nhiều năm ở cơ quan cất giữ giấy bạc cũ rồi thiêu hủy với phương tiện thô sơ là đục lỗ rồi mang đi thiêu hủy. VDD cùng bọn đồng lõa đã nảy gian ý, không đục lỗ và thiêu hủy một số giấy bạc khoảng 1 triệu đồng. Nội vụ chỉ có thế, nhưng sau khi vụ này xảy ra người ta đã trình bày nó như một vụ biển thủ rất lớn có thể là hàng chục triệu, mấy trăm triệu đồng VN. Hơn thế nữa, một số nhật báo đã làm “rùm beng” loan tin đó là một “âm mưu kinh tài” của phe thân Pháp do tướng Nguyễn Văn Hinh, con trai Cựu Thủ Tướng Nguyễn Văn Tâm cầm đầu - dĩ nhiên với mục đích lật đổ nền Đệ Nhất Cộng Hòa mới được Ông Ngô Đình Diệm thiết lập và phục hồi chế độ Quốc Trưởng của Cựu Hoàng Bảo Đại. Người ta đã có ý khai thác tư cách cựu Bộ Trưởng của tôi trong Nội Các Bửu Lộc để gán cho vụ “đánh cắp” này một tầm quan trọng hoàn toàn tương đương. Ông Bộ Trưởng Tư Pháp Nguyễn Văn Sĩ và ông Tổng Thanh Tra Hà Văn Vượng đã hỏi đi hỏi lại VDD “Có phải ông Thống Đốc đã ra lệnh cho anh làm vụ này không? Mặc dù bị thẩm vấn gắt gao bị đe dọa hay được “dễ dàng”. VDD vẫn giữ nguyên lời khai: “Tôi đã có tội với ông Thống Đốc. Tôi không thể vu cáo cho ông ấy đã chủ mưu trong vụ này để chạy tội. Tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”.*

Sau đó, TT Ngô Đình Diệm gọi điện thoại và yêu cầu tôi phải vào trình diện ngay (để chất vấn vụ VDD, sau đó) Ông Diệm nói “*Tôi thấy vụ này rất hại cho chính quyền ta*”. Tôi trả lời: “*Thưa Tổng thống, tôi không chối bỏ trách nhiệm. Nếu âm mưu lật đổ chính phủ là có thật, tôi sẵn sàng chịu tội. Nếu chỉ là một vụ nguy tạo, bé xé ra to, nhằm vu oan cho tôi, tôi cũng xin từ chức. Trong vụ này đáng lẽ tôi phải là người đứng ra truy tố Vũ Đình Đa, Tổng Thống đã cử Ông Bộ Trưởng Tư Pháp đến điều tra, coi tôi như là thủ phạm. Tôi còn mặt mũi nào để tiếp tục công việc Thống Đốc Ngân Hàng. Tôi có nhiệm vụ kiểm soát tất cả những ngân hàng thương mại đang hoạt động trên đất nước ta. Một khi tôi bị mất tin nhiệm như thế làm sao có thể hoàn tất công việc Thống Đốc Ngân Hàng được nữa. Dù muốn dù không, tôi xin Tổng Thống cho phép tôi từ chức ngay từ giờ phút này”.* Ông Diệm vội vàng trả

lời: “Ngài cũng phải đợi cho tôi tìm người thay thế ngài chứ”. Đang tranh luận như thế, hai ông Nguyễn Văn Sĩ và Hà Văn Vương xin vào trình diện ông Diệm kết quả cuộc điều tra Vũ Đình Đa. Lúc đó tôi chợt hiểu rằng ông Diệm gọi tôi vào ngôi ở đây để chờ kết quả của vụ điều tra như thế nào. nếu quả thực tôi có tội chắc chắn tôi đã bị bắt giam ngay tại chỗ chứ không thể trốn đi đâu được nữa, kế hoạch của người ta là như vậy! Ông Diệm hát hàm hỏi ông Nguyễn Văn Sĩ, ông Nguyễn Văn Sĩ lắc đầu rồi trình ông Diệm là “không có gì hết”. Ông Diệm vội vàng đổi thái độ đối với tôi, ông ta niềm nở trở lại và nói rằng: “Thôi ngài chịu khó ngồi lại, giữ chức Thống Đốc cho hết tháng này vì chúng ta sắp sửa phải gửi phái đoàn sang dự Đại Hội Đông Thường Niên của Ngân Hàng Quốc Tế và Quỹ Tiền Tệ Quốc tế họp ở Washington. Ngài sẽ đi dự Đại hội đó. Sau khóa họp Ngài bang giao cho ông Trần Hữu Phương và về làm Cố Vấn cho tôi trong các vấn đề đầu tư”.

“...Nhìn lại sự việc cũ tôi hiểu tại sao người ta đã cố xé to vụ Vũ Đình Đa. Tất nhiên mục đích chỉ là loại trừ tôi khỏi chức vụ Thống Đốc Ngân Hàng...Lúc đó đã có một vài đoàn thể yểm trợ ông Diệm mới ra đời nhưng không có phương tiện tài chánh. Rất có thể người ta cần có một cơ quan cấp phát tín dụng đứng đằng sau hậu thuẫn. Chuyện kinh tài này tất nhiên người ta không thể giao cho cho tôi được”.

Tôi cũng tìm đọc Thời Đại Của Tôi Cuốn II, tôi thấy việc Gs VQT gọi TT Diệm là **ông tahay ông ấy** là bình thường trong lối văn kể chuyện, không có gì gọi là bất kính, không biết lễ độ. Thí dụ: “Tôi đành nói thực với T.S. Staley là ông Tổng Thống yêu cầu tôi gặp **ông ta** gặp. Tôi thỉnh cầu ông Staley và các vị trong phái đoàn Hoa Kỳ thông cảm cho tôi. Tôi hứa sẽ cố gắng thuyết phục Tổng Thống Diệm rồi trở lại gặp họ; cùng ký tên vào bản phúc trình để họ kịp lên máy bay” (trang 382). Còn câu “Thiết nghĩ hai giáo sư thạc sĩ VN có cái gì giống giống nhau, **Gs có nhắc đến Thạc sĩ Vũ Văn Mẫu cạo trọc đầu để ủng hộ ông thầy đầu trọc Thích trí Quang**”. Tôi cố tìm, nhưng không thấy trong hồi ký của Gs Thúc. Tôi chỉ thấy câu “**một trong những đồng sự của tôi là giáo sư Vũ Văn Mẫu đã không ngần ngại cạo trọc đầu để phản đối chính sách của Tổng Thống Ngô Đình Diệm. Sau đó, một số khá đông sinh viên Trường Luật cho rằng phải công khai bênh vực Phật Giáo. Tôi là Khoa Trưởng, giữ thái độ hoàn toàn trung lập, không công khai bênh vực Phật Giáo nhưng cũng không công khai phản đối Phật Giáo**”. (trang 415) Tôi không dám nghĩ, ông HVL đã đặt điều để vu khống Gs Thúc và khinh khi một tu sĩ Phật giáo... Nhưng chỉ vì bức tức hai ông thạc sĩ được TT Diệm luôn xưng hô là ngài, lại phản bội: một ông cạo đầu để phản đối tổng thống, một ông giữ thái độ trung lập, không công khai phản đối Phật Giáo. Phải chăng đó là cái gì giống giống nhau của hai ông thạc sĩ VN mà ông HVL muốn ám chỉ?

Tóm lại, vì quá ngưỡng mộ cố TT Ngô Đình Diệm, nên ông HVL có những lời lẽ khá gay gắt đối với những ai không cùng chung ý nghĩ như ông. Điều này có thể tạo ra phản ứng ngược, làm sút mẽ thanh danh của ông... Nhưng có lẽ ông cũng bất cần, vì ông “**có trách nhiệm phải để lại cho hậu duệ của mình một di sản, mà không có di sản nào hơn sự thật lịch sử**”. Ông còn khẳng định ông là “**con người lịch sử. Nói đến con người là nói đến lịch sử, nhất là khi họ đã đóng một vai trò lớn nhỏ nào đó trong lịch sử dân tộc của mình**”. Tôi xin phép được bổ túc thêm “**Và lịch sử cũng do con người tạo ra, mà lịch sử dân tộc trong hơn nửa thế kỷ qua quá đối tang thương**”. Đó là do lỗi lầm của những người đã từng đóng một vai trò lớn nhỏ nào đó trong lịch sử dân tộc. Vì thế nếu tôi có nhận xét gì khiến ông HVL hoặc những ai khác

không hài lòng, chỉ vì tôi tôn trọng tác giả đã thể hiện được trách nhiệm: **để lại sự thật lịch sử**. Sự thật này báo hiệu một triển vọng mới cho dân tộc. Các đảng viên CS cao cấp hiện nay cũng được hưởng đặc quyền để làm kinh tài cho đảng CSVN và đặc lợi làm giàu cho cá nhân và gia đình. Họ đã theo vết xe cũ của MN, nhưng tệ hại hơn là các cơ sở quốc doanh lớn lần lượt bị phá sản, còn đảng viên thì giàu to. Theo vết xe cũ MN cuối cùng Đảng CSVN cũng sẽ chịu một số phận như MN.

Lê Quế Lâm

Lê Quế Lâm

**Đọc Ký ức Huỳnh Văn Lang
để hiểu rõ thảm họa của dân tộc xuất phát từ đâu? (Phần II)**

Với tư cách một người nghiên cứu sử học, ông Huỳnh Văn Lang (HVL) xác định: *“Thời điểm Việt Nam hoàn toàn độc lập, chấm dứt thời kỳ thuộc địa Pháp, là cuối năm 1954, hay đúng hơn là đầu năm 1955”*. Nhận định của ông có thể không phải là nhận định của nhiều sử gia về thời điểm Quốc gia VN được hoàn toàn độc lập. Ở cương vị một chứng nhân trực tiếp, ông HVL đã trình bày giai đoạn lịch sử chuyển tiếp này trong Ký ức Huỳnh Văn Lang-Tập 1 (trang 511-539).

“Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Ngô Đình Diệm (NĐD) về giúp nước, từ Chicago, Illinois, tôi về đến Sài Gòn ngày 24-8-1954. Khi về đến VN, tôi cảm thấy rõ ràng tình trạng quá yếu kém của chánh phủ NĐD cũng như uy tín của tân Thủ Tướng quá thấp. Thủ tướng kiêm bộ Quốc phòng, mà không có quân đội, bộ Nội vụ không có Công an Cảnh sát, trong lúc đô thành Sài Gòn-Chợ lớn là Bình xuyên, miền Tây Nam kỳ lục tỉnh là Hòa Hảo, miền Đông là Cao đài, quần chúng người Nam nghe nói đến NĐD, nhưng không biết NĐD là ai. Tất một lời, xã hội miền Nam đang ở trong một tình trạng vô cùng hỗn mang gần như tuyệt vọng, vô phương cứu vãn. Ưu tư số 1 của Thủ tướng NĐD là phải nắm lấy quyền hành, là thủ tướng kiêm Quốc phòng, cho nên đầu tiên ông phải nắm quân đội. Tham mưu trưởng Nguyễn văn Hinh (vợ đầm tức nhiên là dân Pháp), cần phải thay thế. Tháng 10, 1954 thủ tướng Ngô Đình Diệm cất chức tướng Hinh và bổ nhiệm tướng Lê văn Tỵ lên thay.

Ngày 08-12-1954, hai tướng Collins [Đặc sứ của TT Eisenhower] và Ely [Cao Ủy Pháp ở Đông Dương] vào dinh Độc lập chính thức đề nghị với Thủ tướng NĐD nên bổ nhiệm Phan huy Quát làm bộ trưởng Quốc phòng và Bảy Viễn làm bộ trưởng Nội vụ. Tất nhiên Thủ tướng NĐD từ chối. Collins còn đề nghị với Washington: Nên đưa Bảo Đại về, đem Phan Huy Quát lên làm Thủ tướng thay thế Ngô Đình Diệm. Nếu không, thì tốt hơn Mỹ nên rút ra khỏi VN. Nhận được đề nghị của đặc sứ Collins, TT Eisenhower, Hội đồng An ninh Quốc gia và Foster Dulles, bộ ngoại giao, hội nhau lại, kêu gọi đến ý kiến của bên Dân Chủ đối lập, mà người có thứ nhứt là Thượng nghị sĩ Mansfield. TNS Mansfield đến tòa Bạch ốc góp ý: *«Ông Diệm là một tích sản mình vừa thu nhận, dù có nhỏ bé cách mấy đi nữa, thì cũng là một tích sản, tại sao mình phải phiêu lưu đi đối với những giá trị khác, mà mình mù tịt không hiểu biết hay chưa hiểu biết mảy may gì hết»*. Thế là Thủ tướng NĐD lại thắng, tất cả chánh phủ Mỹ đều chấp nhận ý kiến của TNS Mansfield vì là khôn

ngoan nhưt và ngày 14-12-54 chánh phủ Hoa Kỳ chỉ thị cho tướng Collins: «*Trong tình thế hiện nay, không có một chọn lựa nào khác hơn là tiếp tục viện trợ cho VN và ủng hộ Thủ tướng Diệm*».

Bảo Đại và Pháp thúc đẩy Mặt trận Thống nhưt Toàn lực Quốc gia ra đời ngày 03-03-1955: ngoài Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên còn có Bs Nguyễn Tôn Hoàn, Đại Việt miền Nam, Phan Quang Đán, đảng Dân Chủ, Hồ hữu Tường... Hộ pháp Phạm Công Tác được Bảo Đại mời lãnh đạo Mặt trận. Ngày 21-03-55, Mặt trận gửi tới hậu thư cho Thủ tướng NĐD phải cải tổ nội các theo mô hình nhân sự của Mặt trận. Thủ tướng NĐD dứt khoát từ chối. Sáu ngày sau (27-03-55) ông còn cho lệnh Đại tá Đỗ Cao Trí đánh chiếm bộ chỉ huy Công an Cảnh sát do Bình Xuyên nắm giữ. Thế là chiến tranh giữa Thủ tướng NĐD có Quân Lực Quốc Gia ủng hộ và Bình Xuyên của Bảy Viễn có Pháp hậu thuẫn đã khởi sự.

Đầu tháng 04, 1955, ông Ngô đình Nhu, Tổng Bí thư Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng đã giao hay là nhờ tôi đứng ra phát triển đảng Cần Lao trong Nam và thành lập Liên Kỳ Bộ Nam Bắc Việt. Cuộc khủng hoảng Bình Xuyên là cơ hội thử lửa (Baptême du Feu) cho Liên Kỳ Bộ Nam Bắc Việt vừa mới thành lập, với một tiểu tổ gồm 8 thành viên. Nhưng Liên Kỳ Bộ đã tích cực ủng hộ chiến dịch đánh Bình Xuyên, bất chấp thiết quân luật Liên Kỳ Bộ đã đi rải khắp các nẻo đường Sài Gòn/Chợ Lớn và Gia định cả ngàn tờ “hịch” tố cáo tội ác của Bình Xuyên trong 8 năm qua. Và biến cố Bình Xuyên lại kéo theo sau sự kiện Truất phế Quốc trưởng Bảo Đại. Lại thêm một cơ hội nữa cho Liên Kỳ tập sự nhúng tay vào chánh trị, là giúp củng cố chánh quyền Ngô Đình Diệm và giúp công xây dựng nền móng cho tòa nhà Đệ Nhứt Cộng Hòa của Miền Nam Việt Nam.

Tiếp tục chủ trương triệt hạ quyền lực Bình xuyên, sau khi cải tổ Nội các (24-4-1955) có sự tham gia của Hòa hảo (Trung tướng Trần văn Soái và ông Lương trọng Tường) và Cao đài (Thiếu tướng Nguyễn thành Phương), ngày 25 tháng 4, 1955 Thủ tướng NĐD ra sắc lệnh cách chức Lai văn Sang, Tổng giám đốc CS Quốc gia. Như thế tức là tấn Bình xuyên vào vách tường. Ba ngày sau là ngày 28-04-55, Bình Xuyên khai chiến, pháo kích vào dinh Độc Lập. Cùng một lúc, Bảo Đại gửi điện tín triệu ông Diệm và tướng Tỵ qua Pháp để tường trình về tình hình trong nước và bổ nhiệm Thiếu tướng Nguyễn văn Vỹ, tư lệnh Ngự Lâm Quân Đalat làm Tổng tư lệnh quân đội Quốc Gia VN thay thế tướng Nguyễn văn Hinh.

Được lệnh của Quốc trưởng BĐ, Thủ tướng NĐD đã khôn ngoan, tìm được một lực lượng vô song để đương đầu với Quốc trưởng, không còn là Quốc trưởng của một nước, của Quốc dân nữa mà là đại diện cho một tập đoàn Thực dân rất hùng hậu. *Lực lượng vô song nói ở đây là Quốc-Dân*. Vì đó mà Thủ tướng NĐD cấp tốc triệu tập các Chánh đảng và Nhân sĩ Quốc gia, ngày hôm sau là ngày 29-04-1955, để xin ý kiến: *Nên tuân lệnh Quốc trưởng Bảo Đại triệu qua Pháp hay không?* Như thế tức là muốn đặt Hội nghị trước một sự chọn lựa dứt khoát: Bảo Đại hay là Ngô Đình Diệm?

Ngày 29-4-1955, hội nghị gồm 52 đại diện cho 18 đảng phái và 34 nhân sĩ khai mạc tại phòng khánh tiết dinh Độc Lập. Chủ tọa đoàn : Ông Nguyễn bảo Toàn, bí thư

Dân Xã đảng, Hòa hảo. Hội nghị bầu ra một Ủy ban Cách mạng Quốc gia, gồm ba nhân vật đầu não là Nguyễn bảo Toàn, Chủ tịch, Hồ hán Sơn, Phó chủ tịch, Nhị Lang làm Tổng thư ký. Ủy ban thảo một bản kiến nghị 3 điểm, được tất cả 52 người chấp nhận và ký tên : 1- Truất phế Quốc trưởng Bảo Đại, 2- Giải tán Chánh phủ Ngô Đình Diệm. 3- Ủy nhiệm Chí sĩ Ngô Đình Diệm thành lập chánh phủ mới để trừng trị bọn phiến loạn Bình Xuyên, thu hồi chủ quyền Quốc gia, yêu cầu triệt thoái quân đội viễn chinh Pháp và bầu cử quốc dân đại hội. Cuộc cách mạng này là biến cố lịch sử quan trọng nhất từ ngày Việt Minh cướp chánh quyền trên tay Chánh phủ Bảo Đại/Trần Trọng Kim tại Sài Gòn ngày 23-08-45 (ở Hà nội là ngày 19 tháng 8, 1945) 10 năm trước, vì nó có tính cách quyết định, dù chỉ là đập đổ, san bằng. Nhưng muốn xây dựng cái gì thì phải đập đổ và san bằng cái đã. Đó là một lẽ tự nhiên.

Ở đây tôi muốn nói đến tính cách đại diện bao quát của Hội nghị, chưa bao giờ miền Nam có một Hội nghị gồm đại diện của những 18 đoàn thể nếu không nói là chính đảng và có những 34 nhân sĩ tên tuổi. Như thế có thể khẳng định tính cách đại diện bao quát của dân miền Nam, được cả năm bảy đoàn thể chánh trị có thực lực, nghĩa là có cả ngàn nếu không nói là mấy chục ngàn đảng viên và có năm bảy ngàn cây súng. Đó là VN Dân xã đảng Hòa hảo do bí thư Nguyễn bảo Toàn (Nguyễn giác Ngô) đại diện, VN Phục quốc hội Cao đài do đại tá Hồ hán Sơn (Nguyễn thành Phương) đại diện và Mặt trận Quốc gia Kháng chiến VN do Nhị Lang (Trình Minh Thế) đại diện và Tịnh độ cư sĩ do Đoàn Trung Còn đại diện. Đặc biệt là có những đoàn thể thanh niên, phụ nữ và trí thức, gần như toàn dân miền Nam có đại diện chánh thức đến phó hội. Cũng có vài gương mặt Bắc kỳ di cư, nhưng thiết nghĩ không có đại diện cho di cư Bắc kỳ vì khi đó Bắc kỳ di cư chưa định cư.

Với chức vụ Bí thư Liên Kỳ Bộ Nam Bắc Việt, tôi đã trở thành một cố vấn đa dạng (tiền tệ, văn hoá và an ninh) của Thủ tướng Ngô Đình Diệm và cũng là chứng nhân cho những biến cố lịch sử kể ra sau đây. Thật ra, từ đây vai trò của Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng càng ngày càng trở nên quan trọng và rõ ràng hơn. *Cũng lạ là trong những cuộc khủng hoảng vừa kể trên những người cận kề bên ông Diệm nhất toàn là người Trung hay người Bắc, chỉ có một mình tôi là người Nam, mà cuộc Cách mạng Truất phế Bảo Đại lại hoàn toàn là do tác động của người miền Nam.*

Thành tích cụ thể và rực rỡ nhất của Cần Lao, là cuộc Trưng Cầu Dân Ý, kéo theo là Quốc Hội Lập Hiến với Hiến Pháp 1956 của nó, cũng là cái ID (lai lịch) của Đế Nhứt Cộng Hòa của miền Nam (1956-1963). Và ngày 23/10/1954 quốc dân miền Nam đã nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Ngô Đình Diệm, náo nức kéo nhau đi đầu phiếu và kết quả hết sức tốt đẹp cho thủ tướng Ngô Đình Diệm : 5.721.735 lá phiếu Truất phế Quốc trưởng Bảo Đại và bầu Ngô Đình Diệm lên thay thế, như là Quốc Trưởng Việt Nam. Như thế Thủ tướng Ngô Đình Diệm thu về cho mình gần 98% số phiếu đi bầu.

Ngày 26/10/1955, Thủ tướng NĐD tuyên bố Hiến Chương tạm thời, theo đó từ rày Việt Nam là một nước Cộng Hòa, người lãnh đạo là Quốc trưởng kiêm luôn chức Thủ tướng, tức là Tổng thống nước Việt Nam Cộng Hòa. Đến đây thì uy tín của Thủ tướng lên đến tuyệt đỉnh, trong nước cũng như trên thế giới, vì tuyệt đại đa số Quốc

dân ủng hộ ông. Nhờ đó mà ông giải quyết tất cả các vấn đề tồn kho với Pháp để hoàn thành độc lập Quốc gia trọn vẹn: a) Pháp phải giao trả lại cho VN hoàn toàn chủ quyền tiền tệ tài chính. b) chủ quyền Ngoại giao (Cao ủy Pháp được giải tán ; từ rày tướng Ely chỉ là một đại sứ, bộ Ngoại giao Việt Nam giao thiệp thẳng với bộ Ngoại giao Pháp) và c) chủ quyền Quốc phòng, quân đội Pháp lục tục rút quân cho hết trong vòng 6 tháng ».

Qua nguyên văn các đoạn trích dẫn trên, thì VN hoàn toàn độc lập sau cuộc Cách mạng truất phế Quốc trưởng Bảo Đại. Dù không nói ra, nhưng qua cách trình bày luôn tự đề cao, ông HVL muốn chứng tỏ mình là “khai quốc công thần” và Liên Kỳ Bộ (Cần Lao) của ông đã dựng lên chế độ Đệ Nhất Cộng Hòa. Cuộc cách mạng này có tính quyết định là đập đổ, san bằng chế độ quân chủ, mà Cách mạng Tháng Tám của VM chưa hoàn thành. Ông HVL đã nhận định, với cuộc Cách mạng truất phế BD *“thì trên thực tế chế độ quân chủ của nhà Nguyễn với 13 triều đại (1802-1954) đã thật sự cáo chung, sau một thời gian 9 năm (1945-1954) hấp hối. Vốn độc lập của VN do quân đội Nhật ban cho ngày 09-3-1945 không do tranh đấu, do hy sinh mà được, tất nhiên không giá trị bao nhiêu...”*

Tóm lại, từ 1955 nước nhà đã hoàn toàn độc lập, chế độ Cộng Hòa được lãnh đạo bởi một chí sĩ quốc gia yêu nước tiếng tăm, lại được HK viện trợ và ủng hộ. Một năm trước, người dân MN *“không biết Ngô Đình Diệm là ai?”* nay được 98% người dân MN bầu cho ông thay thế Quốc trưởng Bảo Đại lãnh đạo quốc gia. Theo tôi, đó là đại phước cho dân tộc... Nhưng sau đó, như ông HVL đã ghi trong quyền Ký Úc: *“Cuộc Cách mạng Truất phế Quốc trưởng Bảo Đại này là tác động của dân miền Nam nói chung, trong đó quần chúng Nam kỳ lục tỉnh qua các đại diện của họ đã đóng một vai trò chủ động, không ai có thể chối cãi điều đó. Nó đã dọn đường cho sự hình thành ra Đệ nhất Cộng hòa. Nhưng chỉ 5 năm sau cũng chính quần chúng Nam kỳ lục tỉnh (không quơ đũa cả nắm) qua « Mặt trận Giải phóng Miền Nam » đã đóng một vai trò quá ư quan trọng, dù không phải là chủ động đã khởi sự tàn phá, không phải chỉ Đệ Nhất Cộng Hòa mà cả Đệ Nhị Cộng Hòa nữa. Sau 15 năm dọn đường, đúng hơn là làm cỗ sẵn cho CS Miền Bắc thôn tính hoàn toàn, đúng hơn là thuộc địa hóa miền Nam ».*

Vấn nạn MTGPMN do ông HVL nêu ra, sẽ được tôi giải bày trong phần cuối bài viết. Trước tiên, tôi có đôi dòng nhận xét quan điểm của ông HVL về chế độ quân chủ nhà Nguyễn đã thực sự cáo chung sau 9 năm hấp hối từ 1945 đến 1954. Có lẽ ông muốn kết nối Cách mạng Tháng Tám với cuộc CM truất phế Bảo Đại. Năm 1945 Nhật đã đầu hàng Đồng minh sau khi trao trả độc lập cho VN, Thủ tướng Trần Trọng Kim đã từ chức. Đồng bào Hà Nội và các tỉnh phụ cận đã ủng hộ ông Hồ Chí Minh, thành lập nước VN Dân Chủ Cộng Hòa. Đất nước chuyển đổi từ chế độ quân chủ sang dân chủ cộng hòa. Trong chiếu thoái vị Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố *“Vi hạnh phúc của dân tộc Việt Nam. Vì nền độc lập của Việt Nam. Để đạt hai mục đích ấy, trăm sẵn sàng hy sinh tất cả và ước mong rằng sự hy sinh của trăm đem lại lợi ích cho tổ quốc”*. Tuy hoàng đế BD đã thoái vị, nhưng theo ông HVL, từ 1945 chế độ quân chủ nhà Nguyễn vẫn còn tồn tại *“trong tình trạng hấp hối”*, cho đến cuộc CM truất phế BD, nó mới thực sự chấm dứt.

Ông giải thích các diễn biến lịch sử của đất nước quá ư đơn giản, hết sức chủ quan: Cách mạng truat phế Quốc trưởng Bảo Đại xong, thời kỳ Pháp thuộc kể như đã chấm dứt, Thủ tướng Ngô Đình Diệm thành lập chế độ Cộng Hoà và Việt Nam độc lập hoàn toàn. Độc lập không phải tự nhiên mà có, và có một cách quá dễ dàng. Tuy nhiên, ông HVL có nhắc đến “**độc lập của VN do quân đội Nhật ban cho ngày 09-3-1945 không do tranh đấu, do hy sinh mà được, tất nhiên không giá trị bao nhiêu...**”. Nhưng ông lại quên, không nhắc đến **Hiệp ước Élysée** ký kết giữa TT Vincent Auriol và Cựu Hoàng Bảo Đại ngày 08-3-1949: Pháp nhìn nhận VN là một quốc gia độc lập thống nhất thuộc khối Liên Hiệp Pháp, có chủ quyền ngoại giao và nội trị, có quân đội và tư pháp riêng. Phải thừa nhận chủ quyền quốc gia vẫn còn nhiều hạn chế, vì Pháp cần phải tiếp tục hiện diện ở VN để bảo vệ nền độc lập của quốc gia còn non trẻ này đang bị CS uy hiếp nặng nề.

Đầu năm 1950, ông HCM đến Bắc Kinh cầu viện Trung Cộng. Đây là cơ hội giúp Mao Trạch Đông thu hồi lại phần đất An Nam, mà Mao cho là một phần lãnh thổ của TQ, đã bị bọn thực dân đế quốc phương Tây cưỡng đoạt. Mao sẽ dùng VN làm bàn đạp để tiến xuống Đông Nam Á. Để bảo vệ VN, tính đến cuối năm 1952, số quân viễn chinh Pháp bị thương vong và mất tích lên đến 90 ngàn, và đã chi cho cuộc chiến này gấp hai lần số tiền mà Pháp đã nhận của Hoa Kỳ qua kế hoạch Marshall (*Stanley Karnow, Vietnam: A History, Penguin Books, Victoria, 1985, P. 188*) Số tiền trên dùng để tái thiết nước Pháp sau Thế chiến II, nhưng Pháp dùng để bảo vệ VN.

Cuối tháng 4-1954, các cường quốc gặp nhau tại Hội nghị Genève để chấm dứt chiến tranh ở Triều Tiên và Việt Nam bằng giải pháp chia cắt ảnh hưởng hai nước này. Một bên là Thế giới Tự do do HK lãnh đạo, một bên là Quốc tế Cộng sản với Liên Xô và Trung Cộng. Vai trò bảo vệ VN kể như chấm dứt, Pháp trao trả độc lập hoàn toàn cho VN với **Hiệp Ước về Độc Lập** (Traité d'Independance) được Joseph Laniel -thủ tướng Pháp và Hoàng thân Bửu Lộc -thủ tướng Quốc gia VN ký ngày 4-6-1954, gồm 4 điều khoản:

- *Điều 1*: Nước Pháp công nhận nước VN là một quốc gia hoàn toàn độc lập có đầy đủ chủ quyền và thẩm quyền do quốc tế công pháp công nhận.
- *Điều 2*: Nước VN thay thế nước Pháp trong các quyền lợi và trách nhiệm do những hiệp ước mà Pháp đã ký thay cho VN.
- *Điều 3*: Nước Pháp cam kết chuyển giao cho VN thẩm quyền các công sở do Pháp chi phối trên lãnh thổ VN.
- *Điều 4*: Hiệp ước sẽ bắt đầu thi hành ngay sau khi ký kết và bãi bỏ tất cả mọi án văn trái ngược với hiệp ước trên đây. (*Nam Đình-Kỳ Nam Nguyễn Thế Phương, Hồi ký lịch sử: 1923-1964, Nhật báo Thần Chung, Sài Gòn, 1965*)

Ngày 16-6-1954, TT Pháp René Coty bổ nhiệm Mendès-France thành lập chính phủ để chấm dứt chiến tranh VN. Trước bước ngoặt lớn của lịch sử, Quốc trưởng Bảo Đại mời ông Ngô Đình Diệm thay thế Hoàng thân Bửu Lộc làm thủ tướng. Trong hồi ký, cựu hoàng nhắc lại rằng: “*trong tình thế hiện tại, không có ai hơn ông Diệm*

được. Ông ấy là một bảo đảm chắc chắn nhất để chống cộng sản, ông ta quả thật là người của thời cuộc”. Quốc trưởng Bảo Đại đã giao toàn quyền quân sự lẫn dân sự cho thủ tướng Diệm để điều khiển vận mạng đất nước để đối phó với tình hình khẩn trương lúc bấy giờ. Khi giao trọng trách này, Bảo Đại yêu cầu ông Diệm “hãy thể là sẽ bảo vệ đất nước chống lại bọn cộng sản vô thần và nếu cần chống lại người Pháp nữa”. (Bao Dai SM, Dragon D’Annam, Blon, Paris, 1980, P. 329)

Ông HVL không nhắc đến những sự kiện lịch sử quan trọng kể trên, trái lại ông lên án Thủ tướng Trần Trọng Kim và Hoàng đế Bảo Đại đã góp phần “làm ung thúì chánh trường từ 1945 đến 1954” qua những lời nhận xét về giai đoạn này: “Vốn độc lập của VN do quân đội Nhật ban cho ngày 09-3-1945 không do tranh đấu, do hy sinh mà được, tất nhiên không có giá trị bao nhiêu, nên Nguyên thủ quốc gia phung phí một cách vô ý thức là phải”. Để chứng minh cho lập luận trên, ông trình bày:

“Trong mấy tháng độc lập quốc gia (09-3 đến 24-8-1945), chánh phủ Trần Trọng Kim cũng làm được một việc cho quốc dân là Cải tổ hệ thống giáo dục quốc gia theo định hướng dân tộc. Nhưng cùng một lúc làm một việc vô cùng tai hại cho quốc dân, như là ở miền Nam kỳ lục tỉnh. Vốn ngày 02-05-1945, Hoàng đế Bảo Đại đã ký sắc luật phóng thích tất cả tù nhân chánh trị, mà trong đó 90% là cán bộ Cộng Sản, bị Pháp giam giữ ở Côn Đảo từ phong trào Sô-Viết-Nghệ-Tĩnh (1929-30) và cuộc nổi dậy trong Nam (1939-1940) của Đệ tam Quốc tế, mà tổng số lên đến trên 10,000. Nhờ đó mà ngày một ngày hai (tháng 6, tháng 7, 1945) cả mấy ngàn cán bộ Cộng Sản, trong đó có Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương...toàn là cán bộ cao cấp, rồi làm ung thúì chánh trường miền Nam, đưa Việt Minh nắm lấy thế thượng phong, đàn áp các Giáo phái, giết hại các nhà ái quốc chân chính, cướp lấy chánh nghĩa quốc gia, thâu công cuộc kháng Pháp cho đến Điện Biên Phủ, tháng 5, 1954».

Để kiểm chứng chi tiết trên, ông Phạm Hồng Diễm trong bài «Độc Ký Ưc Huỳnh Văn Lang» đã trích dẫn nhiều sách, đều ghi nhận các ông Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh...từ Côn Đảo trở về đất liền hồi cuối tháng 8-1945, nghĩa là sau Cách mạng Tháng Tám. Vì thế ông Diễm đặt câu hỏi : ‘không biết ông Lang lấy tài liệu ở đâu để mà chê trách như thế. Ông Bảo Đại cũng như cụ Trần Trọng Kim đâu đến nỗi ngờ nghệch như ông Lang tưởng’.

(Còn tiếp)

ĐỘC KÝ ƯC HUỲNH VĂN LANG **(Phần III)**

Lê Quế Lâm

Với tư cách một người nghiên cứu sử học, ông Huỳnh Văn Lang (HVL) xác định: “Thời điểm Việt Nam hoàn toàn độc lập, chấm dứt thời kỳ thuộc địa Pháp, là cuối năm 1954, hay đúng hơn là đầu năm 1955”. Nhận định của ông có thể không phải là nhận định của nhiều sử gia về thời điểm Quốc gia VN được hoàn toàn độc lập. Ở cương vị một chứng nhân trực tiếp, ông HVL đã trình bày giai đoạn lịch sử chuyển tiếp này trong Ký Ưc Huỳnh Văn Lang-Tập 1 (trang 511-539).

“Hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Ngô Đình Diệm (NĐD) về giúp nước, từ Chicago, Illinois, tôi về đến Sài Gòn ngày 24-8-1954. Khi về đến VN, tôi cảm thấy rõ ràng tình trạng quá yếu kém của chánh phủ NĐD cũng như uy tín của tân Thủ Tướng quá thấp. Thủ tướng kiêm bộ Quốc phòng, mà không có quân đội, bộ Nội vụ không có Công an Cảnh sát, trong lúc đô thành Sài Gòn-Chợ lớn là Bình Xuyên, miền Tây Nam kỳ lục tỉnh là Hòa Hảo, miền Đông là Cao Đài, quần chúng người Nam nghe nói đến NĐD, nhưng không biết NĐD là ai. Tất một lời, xã hội miền Nam đang ở trong một tình trạng vô cùng hỗn mang gần như tuyệt vọng, vô phương cứu vãn. Ưu tư số 1 của Thủ tướng NĐD là phải nắm lấy quyền hành, là thủ tướng kiêm Quốc phòng, cho nên đầu tiên ông phải nắm quân đội. Tham mưu trưởng Nguyễn Văn Hinh (vợ đầm tức nhiên là dân Pháp), cần phải thay thế. Tháng 10, 1954 thủ tướng Ngô Đình Diệm cất chức tướng Hinh và bổ nhiệm tướng Lê Văn Tỵ lên thay.

Ngày 08-12-1954, hai tướng Collins [Đặc sứ của TT Eisenhower] và Ely [Cao Ủy Pháp ở Đông Dương] vào dinh Độc lập chính thức đề nghị với Thủ tướng NĐD nên bổ nhiệm Phan Huy Quát làm bộ trưởng Quốc phòng và Bảy Viễn làm bộ trưởng Nội vụ. Tất nhiên Thủ tướng NĐD từ chối. Collins còn đề nghị với Washington: Nên đưa Bảo Đại về, đem Phan Huy Quát lên làm Thủ tướng thay thế Ngô Đình Diệm. Nếu không, thì tốt hơn Mỹ nên rút ra khỏi VN. Nhận được đề nghị của đặc sứ Collins, TT Eisenhower, Hội đồng An ninh Quốc gia và Foster Dulles, bộ ngoại giao, hội nhau lại, kêu gọi đến ý kiến của bên Dân Chủ đối lập, mà người có thứ nhứt là Thượng nghị sĩ Mansfield. TNS Mansfield đến tòa Bạch ốc góp ý: «*Ông Diệm là một tích sản mình vừa thu nhận, dù có nhỏ bé cách mấy đi nữa, thì cũng là một tích sản, tại sao mình phải phiêu lưu đi đối với những giá trị khác, mà mình mù tịt không hiểu biết hay chưa hiểu biết mấy may gì hết*». Thế là Thủ tướng NĐD lại thắng, tất cả chánh phủ Mỹ đều chấp nhận ý kiến của TNS Mansfield vì là khôn ngoan nhứt và ngày 14-12-54 chánh phủ Hoa Kỳ chỉ thị cho tướng Collins: «*Trong tình thế hiện nay, không có một chọn lựa nào khác hơn là tiếp tục viện trợ cho VN và ủng hộ Thủ tướng Diệm*».

Bảo Đại và Pháp thúc đẩy Mặt trận Thống nhứt Toàn lực Quốc gia ra đời ngày 03-03-1955: ngoài Cao Đài, Hòa Hảo, Bình Xuyên còn có Bs Nguyễn Tôn Hoàn, Đại Việt miền Nam, Phan Quang Đán, đảng Dân Chủ, Hồ hữu Tường... Hộ pháp Phạm Công Tắc được Bảo Đại mời lãnh đạo Mặt trận. Ngày 21-03-55, Mặt trận gửi tới hậu thư cho Thủ tướng NĐD phải cải tổ nội các theo mô hình nhân sự của Mặt trận. Thủ tướng NĐD dứt khoát từ chối. Sáu ngày sau (27-03-55) ông còn cho lệnh Đại tá Đỗ Cao Trí đánh chiếm bộ chỉ huy Công an Cảnh sát do Bình Xuyên nắm giữ. Thế là chiến tranh giữa Thủ tướng NĐD có Quân Lực Quốc Gia ủng hộ và Bình Xuyên của Bảy Viễn có Pháp hậu thuẫn đã khởi sự.

Đầu tháng 04, 1955, ông Ngô đình Nhu, Tổng Bí thư Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng đã giao hay là nhờ tôi đứng ra phát triển đảng Cần Lao trong Nam và thành lập Liên Kỳ Bộ Nam Bắc Việt. Cuộc khủng hoảng Bình Xuyên là cơ hội thử lửa (Baptême du Feu) cho Liên Kỳ Bộ Nam Bắc Việt vừa mới thành lập, với một tiểu tổ gồm 8 thành viên. Nhưng Liên Kỳ Bộ đã tích cực ủng hộ chiến dịch đánh Bình Xuyên, bất chấp thiết quân luật Liên Kỳ Bộ đã đi rải khắp các nẻo đường Sài Gòn/Chợ lớn và Gia định cả ngàn tờ “hịch” tố cáo tội ác của Bình Xuyên trong

8 năm qua. Và biến cố Bình Xuyên lại kéo theo sau sự kiện Truất phế Quốc trưởng Bảo Đại. Lại thêm một cơ hội nữa cho Liên Kỳ tập sự nhúng tay vào chánh trị, là giúp củng cố chánh quyền Ngô Đình Diệm và giúp công xây dựng nền móng cho tòa nhà Đệ Nhứt Cộng Hòa của Miền Nam Việt Nam.

Tiếp tục chủ trương triệt hạ quyền lực Bình xuyên, sau khi cải tổ Nội các (24-4-1955) có sự tham gia của Hòa hảo (Trung tướng Trần văn Soái và ông Lương trọng Tường) và Cao đài (Thiếu tướng Nguyễn thành Phương), ngày 25 tháng 4, 1955 Thủ tướng NĐD ra sắc lệnh cách chức Lai văn Sang, Tổng giám đốc CS Quốc gia. Như thế tức là tấn Bình xuyên vào vách tường. Ba ngày sau là ngày 28-04-55, Bình Xuyên khai chiến, pháo kích vào dinh Độc Lập. Cùng một lúc, Bảo Đại gửi điện tín triệu ông Diệm và tướng Tỵ qua Pháp để tường trình về tình hình trong nước và bổ nhiệm Thiếu tướng Nguyễn văn Vỹ, tư lệnh Ngự Lâm Quân Đalat làm Tổng tư lệnh quân đội Quốc Gia VN thay thế tướng Nguyễn văn Hinh.

Được lệnh của Quốc trưởng BĐ, Thủ tướng NĐD đã khôn ngoan, tìm được một lực lượng vô song để đương đầu với Quốc trưởng, không còn là Quốc trưởng của một nước, của Quốc dân nữa mà là đại diện cho một tập đoàn Thực dân rất hùng hậu. *Lực lượng vô song nói ở đây là Quốc-Dân.* Vì đó mà Thủ tướng NĐD cấp tốc triệu tập các Chánh đảng và Nhân sĩ Quốc gia, ngày hôm sau là ngày 29-04-1955, đề xin ý kiến: *Nên tuân lệnh Quốc trưởng Bảo Đại triệu qua Pháp hay không?* Như thế tức là muốn đặt Hội nghị trước một sự chọn lựa dứt khoát: Bảo Đại hay là Ngô Đình Diệm ?

Ngày 29-4-1955, hội nghị gồm 52 đại diện cho 18 đảng phái và 34 nhân sĩ khai mạc tại phòng khánh tiết dinh Độc Lập. Chủ tọa đoàn : Ông Nguyễn bảo Toàn, bí thư Dân Xã đảng, Hòa hảo. Hội nghị bầu ra một Ủy ban Cách mạng Quốc gia, gồm ba nhân vật đầu não là Nguyễn bảo Toàn, Chủ tịch, Hồ hán Sơn, Phó chủ tịch, Nhị Lang làm Tổng thư ký. Ủy ban thảo một bản kiến nghị 3 điểm, được tất cả 52 người chấp nhận và ký tên : 1- Truất phế Quốc trưởng Bảo Đại, 2- Giải tán Chánh phủ Ngô Đình Diệm. 3- Ủy nhiệm Chí sĩ Ngô Đình Diệm thành lập chánh phủ mới để trừng trị bọn phiến loạn Bình Xuyên, thu hồi chủ quyền Quốc gia, yêu cầu triệt thoái quân đội viễn chinh Pháp và bầu cử quốc dân đại hội. Cuộc cách mạng này là biến cố lịch sử quan trọng nhất từ ngày Việt Minh cướp chánh quyền trên tay Chánh phủ Bảo Đại/Trần Trọng Kim tại Sài Gòn ngày 23-08-45 (ở Hà nội là ngày 19 tháng 8, 1945) 10 năm trước, vì nó có tính cách quyết định, dù chỉ là đập đổ, san bằng. Nhưng muốn xây dựng cái gì thì phải đập đổ và san bằng cái đã. Đó là một lẽ tự nhiên.

Ở đây tôi muốn nói đến tính cách đại diện bao quát của Hội nghị, chưa bao giờ miền Nam có một Hội nghị gồm đại diện của những 18 đoàn thể nếu không nói là chính đảng và có những 34 nhân sĩ tên tuổi. Như thế có thể khẳng định tính cách đại diện bao quát của dân miền Nam, được cả năm bảy đoàn thể chánh trị có thực lực, nghĩa là có cả ngàn nếu không nói là mấy chục ngàn đảng viên và có năm bảy ngàn cây súng. Đó là VN Dân xã đảng Hòa hảo do bí thư Nguyễn bảo Toàn (Nguyễn giác Ngộ) đại diện, VN Phục quốc hội Cao đài do đại tá Hồ hán Sơn (Nguyễn thành

Phuong) đại diện và Mặt trận Quốc gia Kháng chiến VN do Nhị Lang (Trình Minh Thế) đại diện và Tinh độ cư sĩ do Đoàn Trung Còn đại diện. Đặc biệt là có những đoàn thể thanh niên, phụ nữ và trí thức, gần như toàn dân miền Nam có đại diện chánh thức đến phó hội. Cũng có vài gương mặt Bắc kỳ di cư, nhưng thiết nghĩ không có đại diện cho di cư Bắc kỳ vì khi đó Bắc kỳ di cư chưa định cư.

Với chức vụ Bí thư Liên Kỳ Bộ Nam Bắc Việt, tôi đã trở thành một cố vấn đa dạng (tiền tề, văn hoá và an ninh) của Thủ tướng Ngô Đình Diệm và cũng là chứng nhân cho những biến cố lịch sử kể ra sau đây. Thật ra, từ đây vai trò của Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng càng ngày càng trở nên quan trọng và rõ ràng hơn. *Cũng lạ là trong những cuộc khủng hoảng vừa kể trên những người cận kề bên ông Diệm nhất toàn là người Trung hay người Bắc, chỉ có một mình tôi là người Nam, mà cuộc Cách mạng Truất phế Bảo Đại lại hoàn toàn là do tác động của người miền Nam.*

Thành tích cụ thể và rực rỡ nhất của Cần Lao, là cuộc Trưng Cầu Dân Ý, kéo theo là Quốc Hội Lập Hiến với Hiến Pháp 1956 của nó, cũng là cái ID (lại lịch) của Đế Nhất Cộng Hòa của miền Nam (1956-1963). Và ngày 23/10/1954 quốc dân miền Nam đã nhiệt liệt hưởng ứng lời kêu gọi của Thủ tướng Ngô Đình Diệm, náo nức kéo nhau đi đầu phiếu và kết quả hết sức tốt đẹp cho thủ tướng Ngô Đình Diệm : 5.721.735 lá phiếu Truất phế Quốc trưởng Bảo Đại và bầu Ngô Đình Diệm lên thay thế, như là Quốc Trưởng Việt Nam. Như thế Thủ tướng Ngô Đình Diệm thu về cho mình gần 98% số phiếu đi bầu.

Ngày 26/10/1955, Thủ tướng NĐD tuyên bố Hiến Chương tạm thời, theo đó từ rày Việt Nam là một nước Cộng Hòa, người lãnh đạo là Quốc trưởng kiêm luôn chức Thủ tướng, tức là Tổng thống nước Việt Nam Cộng Hòa. Đến đây thì uy tín của Thủ tướng lên đến tuyệt đỉnh, trong nước cũng như trên thế giới, vì tuyệt đại đa số Quốc dân ủng hộ ông. Nhờ đó mà ông giải quyết tất cả các vấn đề tồn kho với Pháp để hoàn thành độc lập Quốc gia trọn vẹn: a) Pháp phải giao trả lại cho VN hoàn toàn chủ quyền tiền tề tài chánh. b) chủ quyền Ngoại giao (Cao ủy Pháp được giải tán ; từ rày tướng Ely chỉ là một đại sứ, bộ Ngoại giao Việt Nam giao thiệp thẳng với bộ Ngoại giao Pháp) và c) chủ quyền Quốc phòng, quân đội Pháp lục tục rút quân cho hết trong vòng 6 tháng ».

Qua nguyên văn các đoạn trích dẫn trên, thì VN hoàn toàn độc lập sau cuộc Cách mạng truất phế Quốc trưởng Bảo Đại. Dù không nói ra, nhưng qua cách trình bày luôn tự đề cao, ông HVL muốn chứng tỏ mình là “khai quốc công thần” và Liên Kỳ Bộ (Cần Lao) của ông đã dựng lên chế độ Đế Nhất Cộng Hòa. Cuộc cách mạng này có tính quyết định là đập đổ, san bằng chế độ quân chủ, mà Cách mạng Tháng Tám của VM chưa hoàn thành. Ông HVL đã nhận định, với cuộc Cách mạng truất phế BD “*thì trên thực tế chế độ quân chủ của nhà Nguyễn với 13 triều đại (1802-1954) đã thật sự cáo chung, sau một thời gian 9 năm (1945-1954) hấp hối. Vốn độc lập của VN do quân đội Nhật ban cho ngày 09-3-1945 không do tranh đấu, do hy sinh mà được, tất nhiên không giá trị bao nhiêu...*”

Tóm lại, từ 1955 nước nhà đã hoàn toàn độc lập, chế độ Cộng Hòa được lãnh đạo bởi một chí sĩ quốc gia yêu nước tiếng tăm, lại được HK viện trợ và ủng hộ. Một năm trước, người dân MN “*không biết Ngô Đình Diệm là ai?*” nay được 98% người dân MN bầu cho ông thay thế Quốc trưởng Bảo Đại lãnh đạo quốc gia. Theo tôi, đó là đại phước cho dân tộc...Nhưng sau đó, như ông HVL đã ghi trong quyển Ký ức: “*Cuộc Cách mạng Truất phế Quốc trưởng Bảo Đại này là tác động của dân miền Nam nói chung, trong đó quần chúng Nam kỳ lục tỉnh qua các đại diện của họ đã đóng một vai trò chủ động, không ai có thể chối cãi điều đó. Nó đã dọn đường cho sự hình thành ra Đế nhứt Cộng hòa. Nhưng chỉ 5 năm sau cũng chính quần chúng Nam kỳ lục tỉnh (không quơ đũa cả nắm) qua « Mặt trận Giải phóng Miền Nam » đã đóng một vai trò quá ư quan trọng, dù không phải là chủ động đã khởi sự tàn phá, không phải chỉ Đế Nhứt Cộng Hòa mà cả Đế Nhị Cộng Hòa nữa. Sau 15 năm dọn đường, đúng hơn là làm cỗ sẵn cho CS Miền Bắc thôn tính hoàn toàn, đúng hơn là thuộc địa hóa miền Nam ».*

Vấn nạn MTGPMN do ông HVL nêu ra, sẽ được tôi giải bày trong phần cuối bài viết. Trước tiên, tôi có đôi dòng nhận xét quan điểm của ông HVL về chế độ quân chủ nhà Nguyễn đã thực sự cáo chung sau 9 năm hấp hối từ 1945 đến 1954. Có lẽ ông muốn kết nối Cách mạng Tháng Tám với cuộc CM truất phế Bảo Đại. Năm 1945 Nhật đã đầu hàng Đồng minh sau khi trao trả độc lập cho VN, Thủ tướng Trần Trọng Kim đã từ chức. Đồng bào Hà Nội và các tỉnh phụ cận đã ủng hộ ông Hồ Chí Minh, thành lập nước VN Dân Chủ Cộng Hòa. Đất nước chuyển đổi từ chế độ quân chủ sang dân chủ cộng hòa. Trong chiếu thoái vị Hoàng đế Bảo Đại tuyên bố “*Vì hạnh phúc của dân tộc Việt Nam. Vì nền độc lập của Việt Nam. Để đạt hai mục đích ấy, trăm sẵn sàng hy sinh tất cả và ước mong rằng sự hy sinh của trăm đem lại lợi ích cho tổ quốc*”. Tuy hoàng đế BĐ đã thoái vị, nhưng theo ông HVL, từ 1945 chế độ quân chủ nhà Nguyễn vẫn còn tồn tại “*trong tình trạng hấp hối*”, cho đến cuộc CM truất phế BĐ, nó mới thực sự chấm dứt.

Ông giải thích các diễn biến lịch sử của đất nước quá ư đơn giản, hết sức chủ quan: Cách mạng truất phế Quốc trưởng Bảo Đại xong, thời kỳ Pháp thuộc kể như đã chấm dứt, Thủ tướng Ngô Đình Diệm thành lập chế độ Cộng Hoà và Việt Nam độc lập hoàn toàn. Độc lập không phải tự nhiên mà có, và có một cách quá dễ dàng. Tuy nhiên, ông HVL có nhắc đến “*độc lập của VN do quân đội Nhứt ban cho ngày 09-3-1945 không do tranh đấu, do hy sinh mà được, tất nhiên không giá trị bao nhiêu...*”. Nhưng ông lại quên, không nhắc đến **Hiệp ước Élysée** ký kết giữa TT Vincent Auriol và Cựu Hoàng Bảo Đại ngày 08-3-1949: Pháp nhìn nhận VN là một quốc gia độc lập thống nhất thuộc khối Liên Hiệp Pháp, có chủ quyền ngoại giao và nội trị, có quân đội và tư pháp riêng. Phải thừa nhận chủ quyền quốc gia vẫn còn nhiều hạn chế, vì Pháp cần phải tiếp tục hiện diện ở VN để bảo vệ nền độc lập của quốc gia còn non trẻ này đang bị CS uy hiếp nặng nề.

Đầu năm 1950, ông HCM đến Bắc Kinh cầu viện Trung Cộng. Đây là cơ hội giúp Mao Trạch Đông thu hồi lại phần đất An Nam, mà Mao cho là một phần lãnh thổ của TQ, đã bị bọn thực dân đế quốc phương Tây cưỡng đoạt. Mao sẽ dùng VN làm

bàn đạp để tiến xuống Đông Nam Á. Để bảo vệ VN, tính đến cuối năm 1952, số quân viễn chinh Pháp bị thương vong và mất tích lên đến 90 ngàn, và đã chi cho cuộc chiến này gấp hai lần số tiền mà Pháp đã nhận của Hoa Kỳ qua kế hoạch Marshall (*Stanley Karnow, Vietnam: A History, Penguin Books, Victoria, 1985, P. 188*) Số tiền trên dùng để tái thiết nước Pháp sau Thế chiến II, nhưng Pháp dùng để bảo vệ VN.

Cuối tháng 4-1954, các cường quốc gặp nhau tại Hội nghị Genève để chấm dứt chiến tranh ở Triều Tiên và Việt Nam bằng giải pháp chia cắt ảnh hưởng hai nước này. Một bên là Thế giới Tự do do HK lãnh đạo, một bên là Quốc tế Cộng sản với Liên Xô và Trung Cộng. Vai trò bảo vệ VN kể như chấm dứt, Pháp trao trả độc lập hoàn toàn cho VN với **Hiệp Ước về Độc Lập** (Traité d'Indépendance) được Joseph Laniel -thủ tướng Pháp và Hoàng thân Bửu Lộc -thủ tướng Quốc gia VN ký ngày 4-6-1954, gồm 4 điều khoản:

- *Điều 1:* Nước Pháp công nhận nước VN là một quốc gia hoàn toàn độc lập có đầy đủ chủ quyền và thẩm quyền do quốc tế công pháp công nhận.
- *Điều 2:* Nước VN thay thế nước Pháp trong các quyền lợi và trách nhiệm do những hiệp ước mà Pháp đã ký thay cho VN.
- *Điều 3:* Nước Pháp cam kết chuyển giao cho VN thẩm quyền các công sở do Pháp chi phối trên lãnh thổ VN.
- *Điều 4:* Hiệp ước sẽ bắt đầu thi hành ngay sau khi ký kết và bãi bỏ tất cả mọi án văn trái ngược với hiệp ước trên đây. (*Nam Đình-Kỳ Nam Nguyễn Thế Phương, Hồi ký lịch sử: 1923-1964, Nhật báo Thần Chung, Sài Gòn, 1965*)

Ngày 16-6-1954, TT Pháp René Coty bổ nhiệm Mendès-France thành lập chính phủ để chấm dứt chiến tranh VN. Trước bước ngoặt lớn của lịch sử, Quốc trưởng Bảo Đại mời ông Ngô Đình Diệm thay thế Hoàng thân Bửu Lộc làm thủ tướng. Trong hồi ký, cựu hoàng nhắc lại rằng: *“trong tình thế hiện tại, không có ai hơn ông Diệm được. Ông ấy là một bảo đảm chắc chắn nhất để chống cộng sản, ông ta quả thật là người của thời cuộc”*. Quốc trưởng Bảo Đại đã giao toàn quyền quân sự lẫn dân sự cho thủ tướng Diệm để điều khiển vận mạng đất nước để đối phó với tình hình khẩn trương lúc bấy giờ. Khi giao trọng trách này, Bảo Đại yêu cầu ông Diệm *“hãy thề là sẽ bảo vệ đất nước chống lại bọn cộng sản vô thần và nếu cần chống lại người Pháp nữa”*. (*Bao Dai SM, Dragon D'Annam, Blon, Paris, 1980, P. 329*)

Ông HVL không nhắc đến những sự kiện lịch sử quan trọng kể trên, trái lại ông lên án Thủ tướng Trần Trọng Kim và Hoàng đế Bảo Đại đã góp phần *“làm ung thúi chánh trường từ 1945 đến 1954”* qua những lời nhận xét về giai đoạn này: *“Vốn độc lập của VN do quân đội Nhật ban cho ngày 09-3-1945 không do tranh đấu, do hy sinh mà được, tất nhiên không có giá trị bao nhiêu, nên Nguyên thủ quốc gia phung phí một cách vô ý thức là phải”*. Để chứng minh cho lập luận trên, ông trình bày:

“Trong mấy tháng độc lập quốc gia (09-3 đến 24-8-1945), chánh phủ Trần Trọng Kim cũng làm được một việc cho quốc dân là Cải tổ hệ thống giáo dục quốc gia theo định hướng dân tộc. Nhưng cùng một lúc làm một việc vô cùng tai hại cho quốc

dân, nhưt là ở miền Nam kỳ lục tỉnh. Vón ngày 02-05-1945, Hoàng đế Bảo Đại đã ký sắc luật phóng thích tất cả tù nhân chánh trị, mà trong đó 90% là cán bộ Cộng Sản, bị Pháp giam giữ ở Côn Đảo từ phong trào Sô-Viết-Nghệ-Tĩnh (1929-30) và cuộc nổi dậy trong Nam (1939-1940) của Đệ tam Quốc tế, mà tổng số lên đến trên 10,000. Nhờ đó mà ngày một ngày hai (tháng 6, tháng 7, 1945) cả mấy ngàn cán bộ Cộng Sản, trong đó có Lê Duẩn, Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Văn Lương... toàn là cán bộ cao cấp, rồi làm ung thúit chánh trường miền Nam, đưa Việt Minh nắm lấy thế thượng phong, đàn áp các Giáo phái, giết hại các nhà ái quốc chân chính, cướp lấy chánh nghĩa quốc gia, thâu công cuộc kháng Pháp cho đến Điện Biên Phủ, tháng 5, 1954».

Để kiểm chứng chi tiết trên, ông Phạm Hồng Diễm trong bài «Độc Ký Úc Huỳnh Văn Lang» đã trích dẫn nhiều sách, đều ghi nhận các ông Tôn Đức Thắng, Phạm Hùng, Lê Duẩn, Nguyễn Văn Linh... từ Côn Đảo trở về đất liền hồi cuối tháng 8-1945, nghĩa là sau Cách mạng Tháng Tám. Vì thế ông Diễm đặt câu hỏi : *‘không biết ông Lang lấy tài liệu ở đâu để mà chê trách như thế. Ông Bảo Đại cũng như cụ Trần Trọng Kim đâu đến nỗi ngờ nghếch như ông Lang tưởng’*. (Còn tiếp)

Độc Ký Úc Huỳnh Văn Lang để hiểu rõ thảm họa của dân tộc xuất phát từ đâu? (Phần VI)

Lê Quế Lâm

Là nhân chứng lịch sử, ông HVL có quyền nhận định theo cách nhìn của ông: *“Thời điểm Việt Nam hoàn toàn độc lập, chấm dứt thời kỳ thuộc địa Pháp là cuối năm 1954, hay đúng hơn là đầu năm 1955”*. Như vậy, từ 1949 đến 1954 người lính Quốc gia Việt Nam đã làm tay sai cho thực dân Pháp hay sao? Chớ không phải họ đã chiến đấu chống cộng sản để bảo vệ nền độc lập quốc gia! Riêng cá nhân ông, là một thanh niên, ông đã làm gì cho đất nước trong giai đoạn đó? Ông sang Mỹ du học, đến tháng 8/1954 được mời về nước giữ chức vụ cao, hưởng bổng lộc lớn của Quốc gia Việt Nam. Vậy Quốc gia đó do ai tạo ra? Ai đã chiến đấu bảo vệ quốc gia khỏi lọt vào tay cộng sản để ông có dịp “ăn trên ngồi trước” Ông không cần biết.

Với tư cách một người nghiên cứu sử học hoặc một chứng nhân lịch sử ông có toàn quyền nhận định tùy thích... Nhưng ông là khai quốc công thần nền Đệ nhất Cộng Hòa, những suy nghĩ của ông về lịch sử vô cùng bất lợi cho chính nghĩa quốc gia. Ông phủ nhận vai trò của Bảo Đại chỉ nhằm đề cao ông Ngô Đình Diệm, nhưng vô tình ông lại đề cao cộng sản qua đoạn văn lên án Bảo Đại mà tôi đã trích dẫn trong bài trước *“...Việt Minh nắm lấy thế thượng phong, cướp lấy chính nghĩa quốc gia, thâu công cuộc kháng Pháp cho đến Điện Biên Phủ, tháng 5, 1954”*. Như vậy, ông HVL đã có hàm ý: do chiến thắng Điện Biên Phủ, Việt Nam mới được độc lập hoàn toàn, chấm dứt thời Pháp thuộc. Từ ý nghĩ này, nên năm 1963 ông Ngô Đình Nhu đã tiếp xúc với cộng sản, đề nghị hiệp thương với miền Bắc để tiến tới tổng tuyển cử thông nhất đất nước. Điều này đã bị ông Diệm khước từ hồi năm 1955. Đây là nguyên nhân dẫn đến cuộc đảo chánh tổng thống Diệm, không những do các tướng lãnh thực hiện, mà còn có hai tổ chức khác nữa do những người thân cận ông Nhu

chủ mưu làm đảo chánh. Một là Bác sĩ Trần Kim Tuyến, hai là tổ chức của ông Huỳnh Văn Lang và đại tá Phạm Ngọc Thảo.

Là người VN, có lẽ ai cũng có đôi chút tự hào về chiến thắng Điện Biên Phủ. Sự kiện này không tác động gì nhiều đến các diễn tiến của lịch sử. Dù có Điện Biên Phủ hay không, đất nước vẫn bị chia cắt, vì các cường quốc đã quyết định chia hai ảnh hưởng ở Việt Nam để chấm dứt chiến tranh, bảo vệ hòa bình thế giới. Chiến tranh chấm dứt, vai trò của Pháp, bảo vệ Quốc gia Việt Nam chống cộng sản không còn cần thiết nữa. Họ ra đi vì đã hoàn thành trách nhiệm đối với VN, để trả lại phần nào món nợ đã bóc lột VN trong thời thực dân ngày trước, chớ không phải chiến thắng Điện Biên Phủ 1954 đã chấm dứt chế độ thuộc địa của Pháp ở Việt Nam. Họ đã trao trả độc lập cho Việt Nam từ năm 1949.

Những người cộng sản đề cao chiến thắng Điện Biên Phủ “*đã ghi vào lịch sử dân tộc như một Bạch đằng, một Chi lăng hay một Đống đa trong thế kỷ 20*”. Quả thật, đó là chiến tích vĩ đại, nhưng không xứng đáng với sự hy sinh to lớn của Quân đội Nhân dân Việt Nam. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã sử dụng chiến thuật biến người, thí quân không thương tiếc để tạo tiếng vang cho cá nhân và Đảng CSVN mà kết quả chỉ giải phóng được một nửa nước. Như vậy có đáng so sánh với các chiến thắng của tiền nhân hay không? Tệ hại hơn, sau 9 năm kháng chiến gian khổ, với chiến thắng Điện Biên Phủ lẫy lừng, lãnh thổ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa còn nhỏ hơn nước VNDCCH được Pháp công nhận năm 1946 kéo dài từ vĩ tuyến 16, nay thu hẹp chỉ còn từ vĩ tuyến 17 trở ra Bắc mà thôi. Trong khi đó, ông Ngô Đình Diệm “ngồi mát ăn bát vàng”. Đúng là bất chiến tự nhiên thành. Từ 1945 đến 1954, phần lớn thời gian này ông Diệm sống ở ngoại quốc, không tham gia kháng chiến chống Pháp cũng không góp phần xây dựng Quốc gia Việt Nam.

Ông Diệm lãnh đạo miền Nam trong tình thế vô cùng thuận lợi: đất nước hòa bình và độc lập hoàn toàn, 80 ngàn bộ đội Việt Minh/Cộng sản đã tập kết ra Bắc. Kế hoạch cải cách ruộng đất đẫm máu ở miền Bắc, khiến ông có lý do chính đáng để khước từ tổng tuyển cử thống nhất đất nước dự trù tổ chức vào giữa năm 1956. Tháng 8/1955, Thủ tướng Diệm trả lời đề nghị của chính phủ Hà Nội về việc hiệp thương thống nhất đất nước: “*Tổng tuyển cử là một định chế hòa bình và dân chủ, nhưng với điều kiện tiên quyết là sự tự do sinh sống và tự do bầu phiếu phải được bảo đảm*”. Ông giải thích thêm: “*Người ta không thể làm được điều gì xây dựng về vấn đề này khi mà chế độ cộng sản ở miền Bắc vẫn không cho phép người dân của họ được hưởng những quyền tự do dân chủ*”. Hai năm sau, Thủ tướng Phạm Văn Đồng gửi thêm một công hàm yêu cầu tổng thống Diệm hiệp thương để tổ chức tổng tuyển cử. Ông trả lời “*khi nào Miền Bắc chấm dứt khủng bố và thực thi dân chủ thì khi đó mới có thể tổ chức tổng tuyển cử được*”. (Georges Chaffard, Indochine: Dix Ans d’Independance, Calmann Levy, Paris, 1964, PP. 95/98)

Từ tháng 4/1956, hai đồng chủ tịch Hội nghị Genève 1954 là Liên Xô và Anh Quốc đều nhìn nhận: “*tổng tuyển cử thực ra không quan trọng bằng việc duy trì hòa bình*”. Vì quyền lợi đất nước, từ 1955, Krushchev chủ trương hòa hoãn với Mỹ qua chiêu

bài “chung sống hòa bình” nên từ chối lời yêu cầu của Hà Nội đòi phải tổ chức tổng tuyển cử. Phần Trung Cộng, tháng 11/1956 Mao Trạch Đông đã nói với giới lãnh đạo CSVN: *“Tình trạng nước Việt Nam bị chia cắt không thể giải quyết được trong một thời gian ngắn mà phải trường kỳ. Nếu 10 năm chưa được thì phải 100 năm”*. Tháng 7/1957 Mao còn nói thêm: *“Vấn đề là phải giữ biên giới hiện có. Phải giữ vĩ tuyến 17...Thời gian có lẽ dài đấy. Tôi mong thời gian dài thì sẽ tốt”*. (Sự thật về quan hệ Việt Nam-Trung Quốc trong 30 năm qua, Nxb Sự Thật, Hà Nội, 1979, Tr.37)

Trong tình thế thuận lợi đó, từ 1955 đến 1959, Hoa Kỳ dốc sức giúp ông Diệm mở Viện Đại học Sài Gòn, thành lập Viện đại học Huế, mở trường Quốc gia Hành chính, trường Nông Lâm Súc, trường Kỹ thuật Phú Thọ...Mở các nhà máy than Nông Sơn, nhà máy xi măng Hà Tiên, nhà máy đường Hiệp Hòa, các cơ sở kỹ nghệ bông vải, ve chai...tạo công ăn việc làm cho dân lao động để mở mang kinh tế MN. Ngoài ra HK còn giúp chính quyền Diệm tái tạo hệ thống đường xá, chấm dứt nạn mù chữ, thiết lập chương trình y tế nông thôn, đào giếng cho dân quê và thành lập những đội xịt thuốc DDT để bài trừ nạn sốt rét. Ngày 7/8/1959 đường xe lửa Xuyên Việt nối liền Đông Hà với Sài Gòn được khánh thành. Trước viễn tượng phồn vinh trước mắt, dân MN cảm thấy cuộc đời ấm no hơn và tương lai tươi sáng hơn đang bày ra trước mắt. (Hoành Linh-Đỗ Mậu, Việt-Nam Máu lửa Quê hương tôi, Tác giả xuất bản, HK, 1987tr. 249)

Thời gian từ 1955 đến 1959 MN sống trong thanh bình cũng là lúc cộng sản đang chuẩn bị gây chiến. Năm sau Mặt trận Giải phóng Miền Nam. Trong Ký ức HVL, tác giả đã viết: *“Cuộc Cách mạng truất phế Quốc trưởng Bảo Đại là tác động của dân miền Nam nói chung, trong đó quân chúng Nam kỳ lục tỉnh đã đóng vai trò chủ động. Nó đã dọn đường cho sự hình thành ra Đế nhứt Cộng hòa. Nhưng chỉ 5 năm sau cũng chính quân chúng Nam kỳ lục tỉnh (không quơ đũa cả nắm) qua “Mặt trận Giải phóng Miền Nam” đã đóng một vai trò quá ư quan trọng, dù không phải là chủ động đã khởi sự tàn phá, không phải chỉ Đế nhứt Cộng hòa mà cả Đế nhị Cộng hòa nữa. Sau 15 năm dọn đường, đúng hơn là làm cổ sẵn cho CS Miền Bắc thôn tính hoàn toàn, đúng hơn là thuộc địa hóa Miền Nam”*.

Tôi xin góp ý về vấn nạn MTGPMN do ông HVL nêu ra: Đó là hậu quả những sai lầm của ông Diệm trong hai năm đầu lãnh đạo miền Nam với tư cách thủ tướng. Lúc đó ông HVL như chính ông đã tự khai *“là Bí thư Liên Kỳ Bộ Nam Bắc Việt Đảng Cần Lao, trở thành một cố vấn đa dạng (tiền tệ, văn hóa, an ninh) của Thủ tướng Diệm. Tôi cũng là một người miền Nam duy nhất cận kề bên ông Diệm và cũng là một chứng nhân của những biến cố lịch sử trong giai đoạn này”*. Tóm một lời, dân Nam kỳ lục tỉnh đã truất phế Bảo Đại là do Huỳnh Văn Lang chủ mưu, cộng với những việc làm không hợp lòng dân, đã tạo điều kiện để MTGPMN ra đời. Đó là qui luật bất di bất dịch của lịch sử: luật nhân quả. Tạo ra nhân gì, phải gặt quả nấy. Nói điều này để lưu ý người đọc, khi tôi đề cập đến những việc làm của Thủ tướng Diệm, đều do tác động của ông HVL. Ông là cố vấn đa dạng của thủ tướng, không những về chính trị mà cả những vấn đề về Nam kỳ lục tỉnh.

Từ 1955, Hoa Kỳ tận tình viện trợ ông Diệm về kinh tế, giáo dục và kỹ thuật để phát triển một Nam Việt Nam phồn thịnh, theo chủ nghĩa quốc gia, có tinh thần dân tộc với thể chế dân chủ tự do. Đó là điều mà Hoa Kỳ đã thực hiện ở Tây Đức sau Thế chiến II và Nam Hàn sau chiến tranh Triều Tiên (1950-1953). HK chỉ mong muốn ông Diệm đáp ứng lại bằng cách thực hiện những cải cách cần thiết, mở rộng chính phủ có sự tham gia của các đảng phái chính trị và thành lập các cơ chế dân chủ hơn. Khi cử ông Diệm làm thủ tướng, Quốc trưởng Bảo Đại đã nhận xét: *“Trong tình thế hiện tại, không có ai hơn ông Diệm. Ông ấy là một bảo đảm chắc chắn nhất để chống cộng sản, ông ta quả thật là người của thời cuộc”*. Có lẽ ông Bảo Đại muốn nói: chỉ có ông Diệm là có tầm vóc ngang tầm với ông HCM trong tư thế một người lãnh đạo đất nước. Một cán bộ cao cấp cộng sản gốc miền Nam là Trần Bạch Đằng đã mô tả ông Diệm *“thuộc một gia đình tiếng tăm -cha là Phụ chính đại thần Ngô Đình Khả đã không chịu ký tên vào văn bản đòi truất phế vua Thành Thái do Pháp chủ trương. Trong hơn chục năm, Diệm như ẩn dật, được giới thượng lưu cả nước tôn là “chí sĩ”. Về cá nhân, Diệm không vợ con, rượu chè, sống khắc khổ, có trình độ vừa Tây học vừa Nho học”*.

Một lãnh tụ đạo đức được HK tận tình giúp đỡ để xây dựng một Nam VN tương tự như Tây Đức và Nam Hàn (Đại Hàn). Ông Diệm đã có đủ tư thế thi đua với ông Hồ Chí Minh để quyết định ai thắng ai giữa miền Nam do một người quốc gia yêu nước đứng đầu và miền Bắc do một người cộng sản yêu chủ nghĩa xã hội lãnh đạo. Như thế đã đủ rồi, nhưng ông HVL lại cố tô vẽ thêm cho ông Diệm như là một lãnh tụ quốc gia chân chính với ba thành tích nổi bật là: **Bài Phong (kiến), Đả Thực (dân) và Diệt Cộng (sản)**. Những việc làm này không tranh thủ được lòng dân, trong khi họ chưa biết ông Diệm là ai. Thiếu điều kiện này, Nam Việt Nam không thể ổn định để phát triển đất nước vững mạnh, hầu tồn tại lâu dài như hai nước đồng cảnh ngộ là Tây Đức và Nam Hàn.

Bài Phong: Hoàng đế Bảo Đại đã thoái vị năm 1945, chế độ phong kiến kể như đã chấm dứt. Các chính khách thuộc chính phủ Cộng Hoà Nam Kỳ đã góp phần lớn ủng hộ cựu hoàng Bảo Đại giành độc lập và thống nhất đất nước. Vì vậy các thủ tướng từ khi Quốc gia Việt Nam ra đời năm 1949 như Nguyễn Văn Xuân, Trần Văn Hữu, Nguyễn Văn Tâm đều là dân Nam Kỳ. Đến cuối năm 1953, các cường quốc sắp gặp nhau tại hội nghị Genève 1954, Quốc trưởng BD đã cử một người trong hoàng tộc là Bửu Lộc làm thủ tướng để cùng thủ tướng Pháp Joseph Laniel ký Hiệp ước về Độc lập ngày 4/6/1954. Trước kia, thực dân Pháp đã thôn tính Việt Nam từ vua Tự Đức, nay trong thời “giải thực”, Pháp trao trả độc lập cho VN qua người hậu duệ triều Nguyễn là Bảo Đại hồi năm 1949 và Bửu Lộc năm 1954.

Đặc biệt trong Nội các của Hoàng thân Bửu Lộc có một bộ rất đặc biệt là **Bộ Dân Chủ Hoá**, do Luật sư Nguyễn Đắc Khê phụ trách, với chủ trương thiết lập một chế độ dân chủ thực sự ở VN. Sau khi hoàn thành nhiệm vụ kiện toàn nền độc lập quốc gia và đặt cơ sở cho việc dân chủ hóa đất nước, Nội các Bửu Lộc từ chức để quốc trưởng bổ nhiệm ông Ngô Đình Diệm lãnh đạo đất nước trong giai đoạn mới. (Lê Quế Lâm, Đọc Hồi ký của GS Vũ Quốc Thúc ozqpkoxo.diendannguoidanviet.com/index.php..)

Từ 80 năm trước, Nam Kỳ đã trở thành thuộc địa của Pháp, không còn lệ thuộc triều đình Huế...Nhưng người dân miền Nam vẫn luôn kính mến hoàng đế Bảo Đại, vì

ông là chàng rể quý của Nam Kỳ Lục tỉnh. Ông đã phá lệ triều đình nhà Nguyễn dành cho người vợ danh hiệu Nam Phương Hoàng hậu. Bà là cháu ngoại ông Huyện Sĩ là người giàu có nhất MN lúc bấy giờ (nhứt Sĩ, nhì Xương, tam Phương, tứ Định). Người dân miền Nam càng quý trọng ông hơn, khi ông thoái vị với lời tuyên bố *“thà làm dân một nước độc lập còn hơn làm vua một nước nô lệ”*. Và sau đó ông thực hiện được khát vọng của toàn dân là giành được độc lập và thống nhất đất nước.

Trước đó, ngày 9/3/1945 Nhật làm cuộc đảo chánh lật đổ Pháp ở Đông Dương, và trao trả chủ quyền VN cho Hoàng đế Bảo Đại. Ngài tuyên bố bãi bỏ tờ hiệp ước Pháp Nam năm 1886 và tuyên bố nước VN độc lập. Ngày 17/3/1945 ngài ký Đạo dụ số 1 xác nhận: Chế độ chính trị từ nay căn cứ vào khẩu hiệu *“Dân Vi Quý”*. Có thể nói đây là Tuyên ngôn độc lập đầu tiên của VN. Luật sư Bùi Tường Chiêu bình luận *“Đạo dụ số 1, nhấn mạnh tính chất dân chủ của chế độ chính trị mới, căn cứ vào câu của thầy Mạnh đạo Nho: “Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh”*. Dân đây là toàn thể quốc dân chứ không riêng một đảng phái nào, một giai cấp nào hay một nhóm nào trong quốc dân. Đứng về chính thể, chữ dân tương phản với chữ quân *“Dân vi quý...quân vi khinh”* thì lẽ tất nhiên quyền lợi của toàn thể quốc dân phải vừa là nền tảng vừa là mục đích của chính phủ”. (Vũ Đình Hoè, Hồi Ký Vũ Đình Hòe Tập I, Nxb Văn hóa, Hà Nội, 1994, Tr.269-270)

Chính vì tình cảm này, người dân Nam Kỳ hết sức đau buồn khi thủ tướng Diệm triệu tập 18 chánh đảng và nhân sĩ quốc gia chỉ vồn vẹn có 52 người, tham dự hội nghị ngày 29/4/1955, đưa đến kiến nghị truất phế Quốc trưởng Bảo Đại. Theo ông HVL, đó là *“lực lượng vô song, nói ở đây là Quốc-Dân”*. Ông HVL nói rõ trong sách của ông *“Một điều cần nói ở đây là khi thủ tướng đi tìm một lực lượng vô song đó, không phải là không có cố vấn của Cần Lao Nhân Vị Cách Mạng Đảng, lúc đó là ai? Là Ngô đình Nhu, là Trần Quốc Bửu, Trần trung Dung, Trần chánh Thành, có cả Bác sĩ Bùi kiện Tín và cả nhóm Tinh thần, trong đó có Bs Huỳnh kim Hữu. Biết rằng tất cả những nhân vật này không một ai gia nhập Cần lao, nhưng đều chấp nhận chủ trương của ông Ngô đình Nhu và do ông Nhu chi phối theo đường hướng Cần Lao của ông”*.

Ông HVL còn nêu tên *“18 đoàn thể nếu không nói chính đảng”*: Mặt trận quốc gia kháng chiến VN, VN phục quốc hội, Thanh niên Quốc dân xã VN, VN Dân chủ Xã hội, Phong trào tranh thủ độc lập VN, Phụ nữ quốc dân xã VN, Tịnh độ Phật giáo VN, Tổng liên đoàn lao công VN, VN Cần Lao Nhân vị Cách mạng đảng, Phong trào cách mạng quốc gia, Tập đoàn công dân, Nhóm Tinh thần, Xã hội Công giáo, Thanh niên dân chủ VN, Cựu chiến sĩ kháng chiến VN, Hội tương trợ đồng bào Nghệ Tĩnh Bình.

Điềm qua danh sách các chính đảng và đoàn thể trên, ai cũng thấy rõ đó là những tổ chức do đảng Cần lao lập ra hoặc là thân hữu của ông Diệm hoặc bị chính quyền mua chuộc. Điển hình là VN Dân Xã đảng Hòa hảo của Nguyễn giác Ngô do bí thư Nguyễn bảo Toàn đại diện, VN Phục quốc hội Cao đài của Nguyễn thành Phương do Hồ hán Sơn đại diện và Mặt trận Quốc gia kháng chiến VN của Trịnh minh Thế do Nhị Lang đại diện. Cả ba nhân vật trên giữ chức vụ Chủ tịch, Phó chủ tịch và Tổng thư ký Ủy ban Cách mạng Quốc gia, kiến nghị truất phế Quốc trưởng Bảo Đại. Sau đó, Nhị Lang bị kết tội thâm lạm biển thủ trên một triệu đồng của Ủy ban CMQG, nên trốn sang Miên. Còn Hồ hán Sơn chạy về Tây Ninh và bị giết một cách

bí mật. Ông Nguyễn Bảo Toàn, bị mật vụ ông Diệm bỏ vào bao bố liệng xuống sông. Đó là số phận của những người đã tích cực ủng hộ ông Diệm truất phế Bảo Đại. Dựa vào quyết nghị của Ủy ban Cách mạng Quốc gia, ngày 23/10/1955 thủ tướng Diệm tổ chức cuộc trưng cầu dân ý. Trong hồi ký, ông Đỗ Mậu nhắc lại sự kiện này “*Dân chúng miền Nam đến phòng phiếu để chọn lựa giữa Bảo Đại và Ngô Đình Diệm theo hai câu thơ trước đó đã được bộ máy thông tin của ông Diệm ra rã suốt ngày đêm và xuất hiện đầy dẫy trên các bờ tường hè phố: “Phiếu xanh ta bỏ vô bì, Phiếu đỏ Bảo Đại ta thì vất đi”*”.

Kết quả chính thức cuộc Trưng cầu dân ý được đăng vào công báo là 5.721.735 phiếu xanh có hình ông Diệm (98.2%) và 63.107 phiếu đỏ có hình Bảo Đại (1.1%). Tại Sài Gòn tổng số cử tri là 450.000 mà số phiếu bỏ cho ông Diệm lên đến 650.000, nghĩa là số phiếu gian lận là 200.000. Giữa thủ đô Sài Gòn có tai mắt quốc tế mà còn gian lận trắng trợn như thế, thử hỏi tại các tỉnh, tại thôn quê thì sự gian lận đến mức nào? (Hoành Linh-Đỗ Mậu, Sđd, Tr. 219)

Mấy tháng trước, người dân Nam kỳ đã đau buồn khi được tin Ủy ban Cách Mạng Quốc Gia kiến nghị truất phế Bảo Đại. Nay qua việc tổ chức trưng cầu dân ý, họ không còn tin tưởng ở chính quyền mới, vì ngay bước đầu đã có những thủ đoạn hạ cấp và gian lận trắng trợn. Ông Diệm có nhiều cách để Bảo Đại chuyển giao quyền lực cho ông một cách “danh chánh ngôn thuận”. Sáu năm trước, một số nhân sĩ Nam Kỳ đã đến Hồng Kông thuyết phục cựu hoàng trở lại chấp chánh. Nay ông Diệm có thể vận động một số nhân sĩ có uy tín MN, hoặc những thân hữu của ông ở Huế như Nguyễn Đệ, Đồng lý Văn phòng Quốc trưởng, các ông Tôn Thất Hối hoặc Tôn Thất Toại... đến Pháp thuyết phục Bảo Đại, mong cựu hoàng có một quyết định lịch sử do tình thế đòi hỏi, vì lợi ích của dân tộc. Chắc cựu hoàng sẵn sàng rút lui, vì ngài đã là quốc trưởng một quốc gia thống nhất, nay do hoàn cảnh bất khả kháng, đất nước bị chia hai, ngài còn mặt mũi nào tiếp tục lãnh đạo một nửa nước.

Năm 1933 khi vừa lên ngôi chấp chánh, Bảo Đại đã cử ông Diệm làm Thượng thư bộ Lại, là thượng thư đầu triều tương đương thủ tướng ngày nay. Hơn 20 năm sau, ngài vẫn tin dùng ông Diệm, bổ nhiệm làm thủ tướng. Để rồi kẻ bầy tôi làm việc “soán nghịch” để được tiếng là người khai sáng nền Cộng hòa, đã chấm dứt chế độ phong kiến nhà Nguyễn với 13 triều đại từ 1802 đến 1954. Không trung quân để đi đến phản quốc, đó là bước kế tiếp. Có lẽ vì thế, ông HVL ghi lại lịch sử để kính dâng hương hồn cố Tổng thống Diệm, coi như lời tạ tội và sám hối.

Trong hồi ký, ông Đỗ Mậu tự nhận “*vị thế của mình là cán bộ trung kiên của Thủ tướng Ngô Đình Diệm, với tư cách là chủ tịch Phong trào Cách mạng Quốc gia của bốn tỉnh duyên hải miền Nam Trung phần, tôi đã hăng say hoạt động cho chiến dịch truất phế Bảo Đại. Những tài liệu do Bộ Thông tin Sài Gòn gửi ra cũng như những chỉ thị mật của Phong trào Cách mạng Quốc gia từ Huế gửi vào cho tôi đều chủ yếu tập trung vào việc lên án những tội lỗi của Bảo Đại: Bảo Đại bù nhìn, dâm ô, tham nhũng, vô đức, vô tài... Lên án chưa đủ, chỉ thị còn bắt buộc phải khơi dậy lòng căm thù Bảo Đại trong quần chúng nữa! Cả một chiến dịch bao trùm từ Cà Mau đến Bến Hải do chính quyền yểm trợ trên cả hai mặt nội dung lẫn phương tiện, hung hăng và rầm rộ tìm cách chà đạp Bảo Đại xuống bùn dơ của lịch sử. Cả nước được vận động để phi nhố Bảo Đại như một hiện thân xấu xa nhất hơn cả Lê Chiêu Thống và Lê Long Đình. Hai đài phát thanh Sài Gòn và Huế phối hợp với báo chí liên tục mật*

sát Bảo Đại và thúc dục dân chúng quất roi và đốt lửa những hình nộm Bảo Đại”.
(Hoàng Linh-Đỗ Mậu, Sđd, Tr. 221-2)

Bảo Đại -người sáng lập Quốc gia Việt Nam độc lập và thống nhất sau gần 100 năm bị thực dân Pháp đô hộ. Ông còn biểu tượng của người Quốc gia trong cuộc chiến Quốc Cộng, đã bị chà đạp xuống bùn dơ của lịch sử...Thì lá Cờ vàng ba sọc đỏ, tượng trưng cho ba miền đất nước hợp nhất, tất phải bị hạ. Biện cố 30/4/1975 là lẽ đương nhiên phải đến.

Do những chia rẽ trong công cuộc đấu tranh giành độc lập và phát triển đất nước, Việt Nam trở thành đầu trường của cuộc chiến tranh lạnh giữa Thế giới Tự do và Quốc tế CS, giữa Hoa Kỳ và Liên Xô. Khi cuộc chiến này kết thúc, nhìn lá Cờ ba màu: nâu, đen, đỏ của Tây Đức (Cộng hòa Liên bang Đức) tung bay trên khắp nước Đức thống nhất, thử hỏi người dân đất Việt làm sao khỏi đau lòng khi nhớ đến lá Cờ vàng ba sọc đỏ thân yêu. Đáng lẽ lá cờ thiêng liêng của tổ quốc đã tung bay từ mũi Cà Mau đến ải Nam Quan khi cuộc chiến Quốc Cộng đã ngã ngũ. Và ngày nay VN đã là “con rông” kinh tế ở Châu Á. Giờ đây ải Nam Quan cũng không còn nữa, thì mong chi làm rông. Chỉ cầu xin giòng giống Rồng Tiên đừng bị Hán hóa mà thôi!

(Còn tiếp)

Lê Quế Lâm

Nguồn: <https://quynhtramvietnam.blogspot.com/2012/10/oc-ky-uc-huynh-van-lang.html>

www.vietnamvanhien.org

